VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH THỊ HỒNG VÂN

HÌNH PHẠT BỔ SUNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

HUỲNH THỊ HỒNG VÂN

HÌNH PHẠT BỔ SUNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN TỈNH LONG AN

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự
Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. TRẦN VĂN ĐỘ

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ 6

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hình phạt bổ sung 6

1.2. Khái quát lịch sử lập pháp về hình phạt bổ sung 19

1.3. Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự một số nước 24

Chương 2: HÌNH PHẠT BỔ SUNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN 27

2.1. Quy định về hình phạt bổ sung theo pháp luật hiện hành 27

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung tại tỉnh Long An 48

Chương 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM 63

3.1. Chính sách hình sự của Nhà nước ta và yêu cầu hoàn thiện các quy định về hình phạt bổ sung và nâng cao hiệu quả áp dụng 63

3.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về hình phạt bổ sung 65

3.3. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt bổ sung ở Toà án hai cấp nhân dân tỉnh Long An 69

KẾT LUẬN 76

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 78

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANQG	: An ninh quốc gia
BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CSHS	: Chính sách hình sự
HPBS	: Hình phạt bổ sung
HPC	: Hình phạt chính
HTHP	: Hệ thống hình phạt
PLHS	: Pháp luật hình sự
TAND TC	: Tòa án nhân dân Tối cao
UBTVQH	: Ủy ban thường vụ Quốc Hội
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng hình phạt bổng sung.

Bảng 2.2: Nhóm các tội được áp dụng hình phạt bổ sung.

Bảng 2.3: Loại hình phạt bổ sung được áp dụng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm và hình phạt là hai chế định quan trọng nhất của Luật hình sự có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi quy định tội phạm cụ thể thì nhà làm luật luôn quy định hình phạt tương ứng đối với nó.

Hệ thống hình phạt theo luật hình sự Việt Nam gồm có hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Hình phạt chính là bộ phận cơ bản có tính chất quyết định của hệ thống hình phạt. Nội dung cuả các hình phạt chính thể hiện đầy đủ tính chất trừng trị, cải tạo, giáo dục người phạm tội, ngăn ngừa họ phạm tội mới cũng như giáo dục người khác tôn trọng pháp luật. Bên cạnh đó hình phạt bổ sung giữ vai trò củng cố, hỗ trợ hình phạt chính, nhưng không thể thay thế hình phạt chính.

Nghiên cứu lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam từ năm 1945 đến nay cho thấy các hình phạt bổ sung được quy định đa dạng, phong phú và có sự kế thừa, bổ sung hoàn thiện qua từng thời kỳ. Hệ thống hình phạt trong Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là kết quả nhiều lần sửa đổi và bổ sung trên cơ sở tổng kết thực tiễn áp dụng và thi hành các hình phạt chính cũng như hình phạt bổ sung của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Tuy hình phạt bổ sung không có ý nghĩa quyết định như hình phạt chính, nhưng trong giới hạn tác động của nó phát huy được vai trò tích cực là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế của nhà nước và xã hội đến tội phạm. Vai trò nổi bật của hình phạt bổ sung thể hiện ở tác dụng phòng, chống tội phạm, hỗ trợ, củng cố và tăng cường hiệu quả hình phạt chính. Bên cạnh đó, hình phạt bổ sung còn có tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục người bị kết án, góp phần đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm ở mức độ cao nhất. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển toàn diện của đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa – xã hội và qua thực tiễn áp dụng cho thấy những quy định của pháp luật hình sự về hình phạt bổ sung cũng chưa thật hoàn thiện, cần nghiên cứu sửa chữa, bổ sung cho phù hợp với thời đại.

Trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự, hình phạt bổ sung được Tòa án áp dụng nói chung và Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An nói riêng áp dụng thể hiện chính sách hình sự của Nhà nước ta mang tính trừng trị kết hợp với khoan hồng, nghiêm trị kết hợp với giáo dục và cải tạo, thuyết phục, đáp ứng yêu cầu của dư luận xã hội và yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương cũng như trong toàn quốc. Tuy nhiên, việc áp dụng hình phạt bổ sung của Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An áp dụng chủ yếu đối với một số tội phạm nhất định, chủ thể áp dụng chưa thống nhất trong nhận thức, vi phạm các quy định của luật về nội dung, điều kiện, phạm vi áp dụng đã làm giảm hiệu quả của hình phạt bổ sung trong quá trình áp dụng và thi hành. Nguyên nhân của những hạn chế này không những xuất phát từ luật thực định mà còn từ các nguyên nhân khác, trong đó có nguyên nhân từ việc giải thích hướng dẫn pháp luật chưa kịp thời, đầy đủ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, ý thức pháp luật của người có thẩm quyền.

Trước tình hình trên và nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện công cuộc cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, việc nghiên cứu các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt bổ sung và thực tiễn áp dụng của Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An để làm sáng tỏ về mặt khoa học và đưa ra kiến nghị, giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả việc áp dụng các quy định đó có ý nghĩa rất quan trọng về lý luận và thực tiễn. Ngoài ra, nghiên cứu hoàn thiện quy định về hình phạt bổ sung cũng là một nhiệm vụ cấp thiết để xây dựng pháp luật hình sự nhân đạo, dân chủ, công bằng, văn minh trong nhà nước XHCN Việt Nam.

Tất cả những phân tích trên đây là lý do để chúng tôi lựa chọn Đề tài ***"Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An"*** làm luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Hình phạt có vị trí, vai trò quan trọng trong LHS, qua quá trình lập pháp và thực tiễn áp dụng hình phạt đều chứng minh rằng hình phạt chính và hình phạt bổ sung đều có ý nghĩa to lớn trong việc cải tạo, giáo dục người phạm tội và phòng

ngừa tội phạm. Tuy nhiên, do hình phạt bổ sung còn mang tính chất tùy nghi áp dụng và chỉ tuyên kèm theo hình phạt chính nên hình phạt bổ sung chưa được quan tâm, nghiên cứu tương xứng với tầm quan trọng của nó. Hình phạt bổ sung cũng là một trong những vấn đề được một số tác giả quan tâm, đã có một số bài viết về loại hình phạt bổ sung đã được đăng trên các tạp chí chuyên ngành, cụ thể là:

- "Một số ý kiến về quyết định hình phạt bổ sung" của PGS. TS Trần Văn Độ trong tạp chí Tòa án Nhân dân, số 7, 1990.

- "Điểm mới trong Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt bổ sung" của Đào Lệ Thu trong tạp chí Luật học số 03/2000;

- "Về khái niệm và đặc điểm của hình phạt bổ sung trong luật hình sự" của Trịnh Quốc Toản trong tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25/2009;

- "Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn hoàn thiện" của TS. Dương Tuyết Miên trong tạp chí Tòa án nhân dân số 8 kỳ II tháng 4/2009;

- "Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam" đây là sách chuyên khảo của TS. Trịnh Quốc Toản….

Các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra những bàn luận và giải quyết được một số vấn đề mà lý luận và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự đặt ra. Tuy nhiên, trong các công trình trên, có những vấn đề vẫn chưa được nhận thức thống nhất; đồng thời, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về vấn đề áp dụng hình phạt bổ sung của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở phân tích những vấn đề lý luận về hình phạt bổ sung và thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung trên địa bàn tỉnh Long An trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015, kết hợp đánh giá làm sáng tỏ nguyên nhân của ưu điểm và hạn chế của thực tiễn áp dụng đó, Luận văn đề xuất một số nội dung hoàn thiện pháp luật hình sự và các biện pháp đảm bảo áp dụng hình phạt bổ sung trên địa bàn tỉnh Long An.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Để đạt được mục đích trên, luận văn đặt ra và giải quyết các nhiệm vụ sau:

Thứ nhất, nghiên cứu, làm rõ một số vấn đề lý luận về hình phạt bổ sung; đánh giá khái quát quá trình hình thành và phát triển của chế định hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam.

Thứ hai, phân tích các loại hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999.

Thứ ba, đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung của các Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Long An trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2015, chỉ ra những mặt tích cực cũng như hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân.

Thứ tư, đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự và các biện pháp đảm bảo áp dụng đúng các hình phạt bổ sung.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Luận văn lấy các quan điểm khoa học, các quy định của pháp luật hình sự hiện hành về hình phạt bổ sung và thực tiễn áp dụng các căn cứ này trên địa bàn tỉnh Long An làm đối tượng nghiên cứu của mình.

- Phạm vi nghiên cứu: Luận văn nghiên cứu về tình hình áp dụng và các hình phạt bổ sung trên địa bàn tỉnh Long An từ năm 2010 đến năm 2015.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp luận: Cơ sở phương pháp luận của Luận văn là trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong lĩnh vực pháp luật hình sự; những thành tựu của khoa học, triết học, xã hội học, luật học, các học thuyết chính trị pháp lý.

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê, điều tra xã hội học…. Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả tham khảo các ý kiến chuyên gia ngành luật, và phương pháp nghiên cứu điển hình các bản án và hồ sơ vụ án.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Đây là công trình ở cấp độ luận văn thạc sĩ nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn áp dụng của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Long An.

Luận văn sẽ góp phần nhận thức sâu sắc hơn về hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam nói chung và hình phạt bổ sung nói riêng. Ngoài ra, luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo trong việc nghiên cứu, học tập tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo chuyên ngành luật ở nước ta.

Kết quả nghiên cứu có thể được vận dụng trong thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Long An, giúp cho các Thẩm phán có cái nhìn toàn diện, thấy được vị trí vai trò của hình phạt bổ sung và những hạn chế, thiếu sót trong quá trình áp dụng để khắc phục trong thời gian tới, nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm ở nước ta. Các giải pháp mà đề tài đặt ra cũng là những gợi ý để hoàn thiện hệ thống pháp luật, tạo cơ sở vững chắc cho việc áp dụng hình phạt bổ sung vào thực tiễn xét xử, nhằm nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án, tạo niềm tin vững chắc trong nhân dân, góp phần ổn định tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Long An.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về hình phạt bổ sung trong luật hình sự.

Chương 2: Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Long An.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện các quy định về hình phạt bổ sung và nâng cao hiệu quả áp dụng ở Việt Nam.

Chương 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của hình phạt bổ sung

1.1.1. Khái niệm hình phạt bổ sung

- Khái niệm hình phạt

Trong quá trình đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, Nhà nước sử dụng nhiều biện pháp khác nhau kể cả các biện pháp mang tính cưỡng chế hình sự. Và hình phạt là biện pháp quan trọng, là một trong những biện pháp cưỡng chế hình sự được nhà nước sử dụng để áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm.

Tội phạm và hình phạt là những chế định quan trọng nhất trong luật hình sự, có quan hệ gắn bó hữu cơ với nhau. Khi nói đến luật hình sự, dù đề cập nội dung cụ thể nào thì tập trung lại cũng nhằm đi đến vấn đề tội phạm và hình phạt**.**

Khái niệm hình phạt, lần đầu tiên được ghi nhận tại Điều 26 BLHS 1999: "Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội. Hình phạt được quy định trong Bộ luật hình sự và do Toà án quyết định" [19].

Mặc dù khái niệm hình phạt đã được ghi nhận trong pháp luật hình sự, tuy nhiên cho đến nay các nhà luật học ở nước ta vẫn đưa ra nhiều khái niệm khác nhau về hình phạt. Chẳng hạn có quan điểm cho rằng: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được áp dụng trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án để tước bỏ hay hạn chế quyền tự do của người bị kết án, theo các quy định của pháp luật hình sự [5, tr. 687].

Theo một quan điểm khác: Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất được Bộ luật hình sự quy định do Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng đối với người có lỗi trong việc thực hiện tội phạm và thể hiện ở việc tước đoạt hoặc hạn chế các quyền và lợi ích do pháp luật quy định đối với người bị kết án [38, tr. 352].

Nhìn chung, hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước đặc biệt đảm bảo cho Luật hình sự thực hiện được nhiệm vụ đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ các quan hệ xã hội khỏi sự xâm hại của những hành vi phạm tội. Nhưng hình phạt không thể ảnh hưởng trực tiếp đến những điều kiện và nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Hình phạt với nội dung là sự hạn chế hoặc tước bỏ một số quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội, có những tác động nhất định đến người phạm tội cũng như các thành viên khác trong xã hội theo những hướng khác nhau tùy thuộc vào việc hình phạt được quy định và được áp dụng như thế nào. Luật hình sự đòi hỏi những tác động như vậy của hình phạt phải đạt được những kết quả hay mục đích nhất định. Luật hình sự Việt Nam, đã khái quát vấn đề mục đích của hình phạt qua quy định cụ thể tại Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 1999 như sau: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn giáo dục họ trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới. Hình phạt còn nhằm giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm” [19].

- Khái niệm hình phạt bổ sung

Cũng như khái niệm về hình phạt, khái niệm hình phạt bổ sung có nhiều quan niệm khác nhau như PGS. TS. Trần Văn Độ cho rằng: "Hình phạt bổ sung là hình phạt được áp dụng kèm theo hình phạt chính nhằm tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, đáp ứng mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng" [12, tr. 8]. TS. Uông Chu Lưu thì quan niệm: "Hình phạt bổ sung là biện pháp cưỡng chế của nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự, do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội, phản ánh sự đánh giá của nhà nước về hành vi phạm tội và người đã thực hiện hành vi đó" [35, tr. 16]. Còn GS. TS. Võ Khánh Vinh lại định nghĩa: "Hình phạt bổ sung là hình phạt được bổ sung thêm vào hình phạt chính và không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo một hình phạt chính. Tùy theo từng trường hợp cụ thể của vụ án, kèm theo một hình phạt chính, Tòa án có thể tuyên một hoặc vài hình phạt bổ sung" [37, tr. 110].

Như vậy, có thể nhìn nhận rằng căn cứ vào cách thức áp dụng hình phạt, căn cứ vào đặc điểm, hình thức của hình phạt ta có thể xác định được HPBS. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng ngoài việc xem xét khái niệm, đặc điểm, đặc trưng chung của hình phạt như đã nêu trên cũng cần phải làm rõ được tính chất, vai trò riêng biệt của HPBS, bởi vì sự hiện diện của HPBS trong hệ thống hình phạt là do vị trí,vai trò và cách thức tác động của nó quyết định. Trong khoa học LHS hiện đại, đa số các nhà khoa học pháp lý đều cho rằng hệ thống hình phạt là một chỉnh thể gồm nhiều loại hình phạt được quy định trong LHS và được sắp xếp theo trình tự nhất định. Các hình phạt, do có cùng vai trò, chức năng, nhiệm vụ và mục đích chung, nên chúng liên kết chặt chẽ với nhau trong hệ thống hình phạt. Tuy vậy, mỗi loại hình phạt lại có những đặc điểm, nội dung, phạm vi điều chỉnh, điều kiện áp dụng riêng biệt. Chính sự khác nhau này làm cho hệ thống hình phạt có tính đa dạng, bảo đảm khả năng phân hóa và cá thể hóa hình phạt và suy cho cùng là đảm bảo thực hiện được hiệu quả của chính sách hình sự (CSHS) của nhà nước trong từng giai đoạn phát triển của đất nước.

- Phân biệt hình phạt bổ sung với các hình thức trách nhiệm hình sự khác

Trên cơ sở phân tích bản chất, đặc điểm, vai trò của các hình thức trách nhiệm hình sự khác, có thể thấy rằng các hình thức trách nhiệm hình sự khác cũng là những biện pháp cưỡng chế của nhà Nước được quy định trong BLHS do Tòa án áp dụng đối với chính người đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhằm phòng ngừa những tội phạm trong tương lai mà họ có thể phạm vì tình trạng nhân thân của họ.

Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành quy định 06 hình thức trách nhiệm hình sự khác được gọi là các biện pháp tư pháp như: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; bắt buộc chữa bệnh; giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung, đối với người phạm tội chỉ quy định 03 hình thức gồm: tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; bắt buộc chữa

bệnh; còn đối với pháp nhân phạm tội có 04 hình thức: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; khôi phục lại tình trạng ban đầu; thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra [4, tr. 49].

Qua so sánh, đối chiếu giữa HPBS với hình thức trách nhiệm hình sự khác, bản thân nhận thấy giữa chúng có những đặc điểm chung cơ bản sau:

- Đây là những biện pháp cưỡng chế hình sự được quy định trong BLHS, khi áp dụng HPBS hay áp dụng các hình thức trách nhiệm hình sự khác đều phải tuân thủ các nguyên tắc của BLHS.

- Các hình thức trách nhiệm hình sự khác cũng là các biện pháp cưỡng chế của nhà nước (khác với các biện pháp trợ giúp xã hội chỉ được áp dụng với sự đồng ý của đương sự) được áp dụng cho chính cá nhân người có hành vi nguy hiểm cho xã hội.

- Giống với HPBS, các hình thức trách nhiệm hình sự khác do Tòa án áp dụng với chính cá nhân cụ thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội theo trình tự, thủ tục chặt chẽ do Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) quy định.

Tuy nhiên, giữa HPBS và các hình thức trách nhiệm hình sự khác cũng có những điểm khác nhau cơ bản. Sự khác nhau giữa các biện pháp này có thể nhận thấy như sau:

- Khác nhau về cơ sở pháp lý cho việc áp dụng: Chẳng hạn việc áp dụng HPBS là hành vi nguy hiểm cho xã hội được LHS quy định là tội phạm, còn cơ sở pháp lý cho việc áp dụng các hình thức trách nhiệm hình sự khác là bao quát hơn, nó có thể là hành vi nguy hiểm cho xã hội được LHS quy định là tội phạm, hoặc không phải là tội phạm.

- Khác nhau về đối tượng áp dụng: HPBS chỉ có thể được áp dụng với người đã thực hiện một tội phạm được quy định trong LHS. Trong khi đó các hình thức trách nhiệm hình sự khác có thể được áp dụng với người đã thực hiện một tội phạm được quy định trong LHS và phải hoặc không phải chịu TNHS và hình phạt, nhưng nó cũng có thể được áp dụng với người đã thực hiện hành vi khách quan nguy hiểm

cho xã hội nhưng không đủ yếu tố cấu thành tội phạm và người đó không phải chịu TNHS.

- Khác nhau về cách thức áp dụng: HPBS không được áp dụng độc lập đối với mỗi tội phạm cụ thể mà chỉ được áp dụng bổ sung cho HPC và không được áp dụng với tất cả các tội phạm được quy định trong LHS; HPBS được quy định dưới dạng bắt buộc áp dụng hoặc tùy nghi. Tòa án có thể áp dụng một hoặc nhiều HPBS kèm theo HPC. Còn các hình thức trách nhiệm hình sự khác lại không được quy định cho từng tội phạm trong điều luật về tội phạm cụ thể, nó có thể được áp dụng bên cạnh HPC và (hoặc) HPBS, nhưng cũng có thể được áp dụng độc lập, không phụ thuộc vào hình phạt. Một người có thể phải chịu nhiều biện pháp cưỡng chế hình sự khác.

- Khác nhau về mục đích của việc áp dụng: HPBS có mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm. Trong khi đó các hình thức trách nhiệm hình sự khác có mục đích là nhằm phòng ngừa tội phạm [35, tr. 84].

- Khác nhau về thời hạn chấp hành hình phạt: vì các hình thức trách nhiệm hình sự khác không có thời hạn nhất định nhưng chúng có thể được xem xét lại tùy thuộc vào sự tiến triển của tình trạng thể chất và tâm lý, tâm thần của người bị áp dụng, ví dụ đối với biện pháp bắt buộc chữa bệnh áp dụng với người không có năng lực TNHS do mắc bệnh tâm thần hoặc các biện pháp áp dụng với người chưa thành niên phạm tội...

1.1.2. Các đặc điểm của hình phạt bổ sung

- Đặc điểm về mục đích

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế Nhà nước. Trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân, Nhà nước đã có những quy định và sử dụng đồng thời nhiều biện pháp về kinh tế, chính trị, xã hội, giáo dục, pháp lý hình sự.... Các biện pháp này đan xen, hỗ trợ nhau và tùy thuộc vào yêu cầu cụ thể của công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm trong từng thời kỳ mà biện pháp này hay biện pháp kia được đặt

lên hàng đầu. Trong các biện pháp đấu tranh đó, hình phạt là biện pháp cưỡng chế đặc thù của LHS, nó rất cần thiết và không thể được thay thế bởi một chế tài nào khác [16, tr. 64].

Tại Điều 28 BLHS đã quy định một hệ thống hình phạt với những nội dung cưỡng chế, thuyết phục, giáo dục nặng nhẹ khác nhau [18]. BLHS năm 1999 tuy khác nhau về mức độ cưỡng chế nghiêm khắc, nhưng các hình phạt trong hệ thống hình phạt của Nhà nước ta có cùng đặc điểm là một loại biện pháp cưỡng chế Nhà nước nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước. Tính nghiêm khắc của hình phạt thể hiện ở chỗ, người bị áp dụng hình phạt, bao gồm cả HPBS có thể bị tước bỏ hoặc bị hạn chế những quyền và lợi ích của bản thân như quyền sống (tử hình); quyền tự do (hình phạt tù, cấm cư trú, quản chế, trục xuất), tước quyền chính trị (tước một số quyền công dân); cấm quyền (cấm đảm nhiệm chức vụ… hoặc làm công việc nhất định), tước quyền sở hữu (phạt tiền, tịch thu tài sản)... Ngay cả những hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, về hình thức có thể giống các hình thức xử phạt hành chính nhưng với tính chất hình sự các hình phạt luôn có tính nghiêm khắc hơn, bởi vì sẽ dẫn tới hậu quả pháp lý là làm cho người bị kết án phải mang án tích trong một thời hạn nhất định.

Như vậy, hình phạt bổ sung cũng mang tính cưỡng chế, trừng trị, nhưng nội dung của HPBS thể hiện không chỉ duy nhất ở sự trừng trị mà các hình phạt này chủ yếu là những biện pháp giáo dục, thuyết phục. Bằng việc áp dụng hình phạt nói chung, HPBS nói riêng đối với người bị kết án, Nhà nước đã trừng trị và đồng thời để xã hội lên án họ về việc đã thực hiện hành vi phạm tội, thông qua đó nhằm giáo dục, thuyết phục họ không phạm tội mới, có ý thức tuân theo pháp luật và các nguyên tắc chung của cuộc sống xã hội, thực hiện việc răn đe và phòng ngừa chung.

Mục đích chính của HPBS là bổ sung thêm cho hình phạt chính nhằm tăng cường hiệu quả phòng ngừa tội phạm. Khi nhân danh Nhà nước tuyên bố bản án kết tội đối với người bị kết án, Toà án có thể áp dụng một trong các HPC được quy định trong điều luật về tội phạm cụ thể: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình. Đây là một đặc điểm quan trọng của

HPBS giúp phân biệt sự khác nhau rõ nét nhất giữa loại hình phạt này với HPC. Với tính chất đặc thù này của HPBS nó đã củng cố, tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, tức là HPBS giúp cho việc xử lý tội phạm được toàn diện và triệt để, tăng cường thêm tác dụng phòng ngừa riêng và răn đe chung của HPC, khắc phục, hạn chế nguyên nhân, điều kiện để người bị kết án không phạm tội mới.

Mặt khác, nếu giả sử HPBS được áp dụng độc lập thì do mức độ trừng trị, cưỡng chế của nó ít nghiêm khắc, nên mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung cũng khó đạt được trong thực tiễn áp dụng và thi hành. Mặc dù chỉ được áp dụng bổ sung cho HPC, nhưng HPBS có ưu điểm nổi bật thể hiện trong vai trò phòng ngừa tội phạm, tức là việc áp dụng HPBS có hiệu quả loại trừ các điều kiện phạm tội.

- Đặc điểm về điều kiện áp dụng

Hình phạt nói chung do Tòa án áp dụng đối với chính cá nhân người đã có lỗi trong việc thực hiện một tội phạm và theo một trình tự riêng biệt. Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định Toà án là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam [25]. Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án năm 2014 xác định chỉ có Tòa án mới có thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh tế, lao động, hành chính [24]. Theo Điều 26 BLHS năm 1999, cũng chỉ có Tòa án là cơ quan duy nhất mới có quyền nhân danh Nhà nước quyết định một người có phải chịu hình phạt hay không và nếu phải chịu thì loại và mức hình phạt cụ thể được áp dụng như thế nào. Hình phạt do Tòa án quyết định đối với người phạm tội phải được tuyên công khai tại phiên tòa và bằng một bản án. Quá trình xét xử và quyết định hình phạt của Tòa án phải tuân thủ nghiêm ngặt các trình tự thủ tục được quy định trong BLTTHS. Toàn bộ quá trình tố tụng hình sự đưa đến việc Toà án xét xử để định tội và quyết định hình phạt đối với người phạm tội đều do các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước tiến hành, đó là: Cơ quan điều tra thực hiện các hoạt động điều tra tội phạm; Viện kiểm sát thực hiện công tác kiểm sát điều tra, thực hành quyền công tố của Nhà nước, thay mặt Nhà nước truy tố bị can và buộc tội bị cáo trước Tòa án. Còn Tòa án thực hiện hoạt động xét xử theo trình tự LTTHS quy

định. Việc LHS quy định hình phạt do Toà án quyết định là đảm bảo sự thận trọng, khách quan toàn diện và triệt để tránh oan, sai. Có như vậy mới phù hợp với Điều 8 của Tuyên ngôn toàn thế giới về Nhân quyền năm 1948. Do đó, hình phạt chỉ có thể áp dụng đối với chính người có hành vi phạm tội. Hình phạt là hậu quả pháp lý của tội phạm, là công cụ để thực hiện TNHS. Đặc điểm này nói lên tính chất cá nhân của hình phạt nói chung và HPBS nói riêng, đó cũng là sự thể hiện yêu cầu bảo vệ quyền con người trong xã hội.

- Đặc điểm về cách thể hiện trong luật

Hình phạt nói chung được quy định trong LHS là biện pháp cưỡng chế nhà nước nghiêm khắc nhất, hình phạt chỉ được quy định và quy định rất chặt chẽ trong luật hình sự, chỉ có Luật hình sự mới xác định hình phạt cho mỗi tội phạm và quyền làm luật chỉ có thể trao cho nhà làm luật là Quốc hội, cơ quan lập pháp cao nhất của nhà nước.

Hình phạt chỉ được quy định trong Bộ luật Hình sự là sự thể hiện nguyên tắc pháp chế về hình phạt trong LHS của Nhà nước pháp quyền. Hiện nay văn bản luật duy nhất quy định các loại hình phạt, trong đó có HPBS là BLHS năm 1999. Trong BLHS, hình phạt nói chung và HPBS nói riêng được quy định ở cả Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể.

Phần chung của BLHS quy định mục đích của hình phạt, hệ thống hình phạt, nội dung, điều kiện và phạm vi áp dụng của từng loại hình phạt cụ thể, việc quyết định hình phạt, miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt. Trong Phần các tội phạm của BLHS, các loại hình phạt và mức hình phạt cụ thể được quy định đối với từng loại tội phạm. Tính chất và mức độ nghiêm khắc của hình phạt được quy định cho các tội phạm cụ thể là xuất phát từ yêu cầu đấu tranh phòng và chống loại tội phạm cụ thể đó. Tội phạm càng nghiêm trọng thì hình phạt càng nghiêm khắc. Sự đa dạng và phong phú về các loại tội phạm đòi hỏi phải có sự đa dạng, phong phú và cân đối về các loại hình phạt với mức độ cưỡng chế nặng, nhẹ khác nhau.

Khi áp dụng hình phạt cần tuân thủ nguyên tắc pháp chế về hình phạt được áp dụng đối với tất cả các loại hình phạt bao gồm HPC, HPBS và không có trường hợp ngoại lệ. Hình phạt không được quá nghiêm khắc so với hậu quả xảy ra trên thực tế của hành vi bị pháp luật hình sự cấm. Trong phần các tội phạm của BLHS, khi quy định HPBS nhà làm luật đã có sự phân hoá cụ thể đối với từng điều khoản của từng tội phạm cụ thể. Nên khi áp dụng HPBS yêu cầu chỉ khi điều luật cho phép áp dụng Tòa án mới được áp dụng HPBS đó đối với người bị kết án. Khi quyết định HPBS đối với từng trường hợp cụ thể, Toà án có nghĩa vụ phải tôn trọng giới hạn áp dụng mà luật đã quy định. Toà án không được quyết định hình phạt cao hơn mức tối đa mà khung hình phạt đã quy định đối với loại tội phạm mà họ xét xử. Trong trường hợp điều luật về tội phạm có quy định HPBS dưới dạng bắt buộc thì Toà án phải áp dụng với bị cáo mà không có sự lựa chọn khác. Hiện nay, khi các quan hệ kinh tế luôn vận động, phát triển và phức tạp nhất là trong điều kiện nền kinh tế theo cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế sâu rộng trong giai đoạn hiện nay ở nước ta thì yêu cầu cấp bách đặt ra là phải có những thay đổi tương ứng trong pháp luật, trong đó có LHS.

Theo quy định của BLHS hiện hành hình phạt bổ sung được quy định bắt buộc áp dụng hoặc tùy nghi áp dụng.Việc áp dụng HPBS có thể ở dạng tùy nghi hoặc bắt buộc là điểm đặc thù riêng của HPBS. Trong trường hợp điều luật về tội phạm cụ thể quy định cho phép tùy nghi áp dụng HPBS thì Toà án phải lựa chọn việc áp dụng HPBS cho phù hợp. Khi xem xét quyết định HPBS, Toà án cần phải cân nhắc các tình tiết cụ thể của vụ án, tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân người phạm tội và những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, cũng như ý thức pháp luật để quyết định có áp dụng hay không áp dụng HPBS.

Ví dụ: Khoản 5, Điều 139 BLHS quy định về việc áp dụng HPBS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: "Người nào phạm tội còn có thể phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị

cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm".

Như vậy, trong trường hợp này điều luật quy định tùy nghi, tức là "có thể bị" áp dụng thì Toà án phải căn cứ toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người phạm tội cũng như điều kiện áp dụng HPBS cụ thể để lựa chọn một hoặc áp dụng tất cả các HPBS tại khoản 5 Điều 139.

Đối với các trường hợp luật quy định việc áp dụng HPBS là bắt buộc, tức là "còn bị" thì trong khi quyết định hình phạt, Toà án phải áp dụng HPBS kèm theo HPC. Và khi quyết định HPBS đối với người bị kết án Toà án vẫn phải xem xét, đánh giá toàn diện các tình tiết của vụ án, nhân thân người bị kết án để quyết định mức HPBS cụ thể, trong giới hạn tối thiểu và tối đa luật định.

Ví dụ: Khoản 4 Điều 294BLHS quy định người phạm tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm. Trong trường hợp này, Tòa án bắt buộc phải tuyên cấm người bị kết án không được đảm nhiệm chức vụ điều tra viên hoặc kiểm sát viên trong khoảng thời hạn từ một đến năm năm, kể từ sau khi người bị kết án chấp hành xong HPC.

Hình phạt bổ sung không áp dụng đối với người chưa thành niên phạm tội. Bởi lẽ, người chưa thành niên phạm tội là người mà sự phát triển về thể chất có sự không tương xứng với quá trình phát triển về nhân cách, năng lực trí tuệ, nhân sinh quan và thế giới quan để hình thành toàn bộ những đặc điểm tâm sinh lý của một người bước vào độ tuổi thành niên. Ở họ đang diễn ra một sự biến đổi sâu sắc về sinh học, có những mâu thuẫn gay gắt trong sự phát triển nhân cách. Sự phát triển về thể chất cũng như về các đặc điểm nhân thân khác chịu sự tác động có tính quyết định của môi trường sống. Vì vậy, LHS Việt Nam không coi người chưa thành niên phạm tội có năng lực TNHS như người đã thành niên phạm tội. Họ là những người mà năng lực trách nhiệm hình sự còn hạn chế và do vậy lỗi của họ cũng là lỗi hạn chế. Điều này đòi hỏi phải có chính sách cũng như quy định riêng về trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với những người chưa thành niên đã phạm tội.

Tại đoạn 3 khoản 5 Điều 69 quy định: "... Không áp dụng các HPBS đối với người chưa thành niên phạm tội".

Quy định này thể hiện rõ nét nguyên tắc nhân đạo của LHS Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nếu áp dụng HPBS đối với người bị kết án là người chưa thành niên sẽ dẫn tới hiệu quả của hình phạt không cao hoặc không đạt được. Trong lứa tuổi này, đa số các em trong độ tuổi từ 14 tuổi nhưng chưa đến đủ 18 tuổi chưa có hoặc có nhưng hạn chế về nghề nghiệp, tiền, tài sản...không đảm bảo cho việc thi hành HPBS. Mặt khác, người chưa thành niên phạm tội có đặc điểm là họ chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm sinh lý, vì vậy nguyên tắc chủ yếu của đường lối xử lý hành vi phạm tội của họ là nhằm giáo dục họ có ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội, giúp đỡ họ có điều kiện sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

1.1.3. Vai trò của hình phạt bổ sung

Trong hệ thống hình phạt có nhiều loại hình phạt có tính chất nghiêm khắc khác nhau, có công dụng khác nhau đảm bảo cá thể hóa hình phạt chính xác, các tình tiết của hành vi phạm tội, các yếu tố thuộc về nhân thân người phạm tội càng được xem xét khi quyết định hình phạt và do đó hiệu quả của hình phạt đạt được càng cao. Với nhiều loại hình phạt khác nhau được quy định thì khả năng cá thể hóa và bảo đảm sự công bằng càng cao.

Hình phạt bổ sung được quy định trong LHS bên cạnh HPC làm cho HTHP cân đối hơn, hoàn thiện hơn, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm và phù hợp với xu hướng phát triển chung của hệ thống hình phạt hiện đại. Việc quy định các HPBS trong LHS một cách rõ ràng có vai trò rất quan trọng, nó mở ra khả năng pháp lý giúp cho việc cá thể hóa hình phạt, đảm bảo cho sự tác động có chọn lọc đối với người bị kết án, tùy theo tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của họ tức là HPBS tạo điều kiện cho Tòa án thực hiện việc cá thể hóa hình phạt nhằm đạt được mục đích của hình phạt [33, tr.199].

Ngoài ra, việc áp dụng HPBS đối với người bị kết án sẽ hỗ trợ và làm cho việc áp dụng HPC có hiệu quả hơn. Thực tiễn cho thấy, không phải người bị kết án nào sau khi chấp hành xong HPC cũng có thể tái hoà nhập cộng đồng, trở thành người công dân bình thường mà không cần phải chịu sự tác động bắt buộc nào nữa từ phía Nhà nước. Do vậy, sự phối hợp nhịp nhàng giữa HPC và HPBS trong quyết định hình phạt là rất quan trọng, góp phần nâng cao tính hiệu lực và hiệu quả của cả HTHP trong LHS Việt Nam.

Mặt khác, dù các quy định về HPC trong LHS hoàn thiện đến mức cao nhất cũng không thể đảm bảo đầy đủ điều kiện để cho Tòa án lựa chọn một hình phạt tương xứng với mọi loại tội phạm và đảm bảo cho hình phạt đạt được mục đích trong mọi trường hợp. Vì thế, có thể hiểu rằng việc quy định HPBS trong HTHP là giải pháp pháp lý đúng đắn, phối hợp với HPC trong việc thực hiện các mục đích của TNHS. Sự có mặt của các HPBS trong HTHP làm cho các biện pháp hình sự được áp dụng để góp phần thực hiện các chức năng bảo vệ, chức năng phòng ngừa và chức năng giáo dục của LHS, tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện một cách đầy đủ và có hiệu quả những khả năng vốn có của các biện pháp này trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Có thể nói, hình phạt bổ sung đã thể hiện được vai trò phòng ngừa tội phạm, tức là việc áp dụng HPBS có hiệu quả hạn chế hoặc loại trừ các điều kiện phạm tội. "Hình phạt bổ sung tác động trực tiếp vào hoàn cảnh khách quan làm cho người phạm tội mất đi các điều kiện xã hội có thể để tái phạm. Các điều kiện xã hội có thể là chức vụ công tác, nghề nghiệp chuyên môn, nơi cư trú, điều kiện đi lại hay tiền bạc tài sản của người bị kết án" [36, tr. 229]. Từ việc tác động đến người bị kết án bằng cách tước bỏ những điều kiện xã hội, HPBS còn có tác dụng răn đe đối với các thành viên khác trong xã hội, góp phần giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân. Mặc dù loại hình phạt này có nội dung trừng trị không cao như HPC nhưng nó thể hiện sự nghiêm khắc của nhà nước, đồng thời chủ động loại trừ điều kiện tái phạm của người bị kết án, làm tăng thêm hiệu quả của hình phạt.

Nghiên cứu HPBS trong BLHS hiện hành chúng ta thấy rất rõ vai trò, chức năng phòng ngừa của HPBS, ví dụ: hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng xét thấy nếu để người bị kết án vẫn đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề hoặc làm công việc mà người bị kết án đã lợi dụng hoặc lạm dụng để phạm tội thì có nguy cơ họ lại tiếp tục sử dụng để tái phạm, gây nguy hại cho các quan hệ xã hội được LHS bảo vệ; hình phạt cấm cư trú được áp dụng với nội dung không cho phép người bị kết án làm ăn, sinh sống ở một hoặc một số địa phương nhất định nhằm ngăn ngừa người bị kết án lợi dụng sự thông thuộc hoặc đặc điểm địa bàn để gây ra tội phạm mới; hoặc hình phạt tịch thu tài sản với nội dung là tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản của người bị kết án nhằm mục đích trực tiếp ngăn ngừa họ lợi dụng tiềm lực kinh tế của mình để tiếp tục phạm tội...

Tác dụng phòng ngừa của HPC và HPBS trong một vụ án cụ thể có tác dụng hỗ trợ và bổ sung cho nhau làm tăng hiệu quả của hình phạt đối với người bị kết án. Cho nên kết hợp đúng đắn việc áp dụng HPC với HPBS đối với người bị kết án là một trong những điều kiện quan trọng để đạt được hiệu quả của hình phạt. Đồng thời việc đa dạng hóa HTHP nói chung và HPBS nói riêng phù hợp với quan điểm tiến bộ trong CSHS, thể hiện các nguyên tắc của LHS và phù hợp với xu thế phát triển chung của LHS nhiều nước trên thế giới.

Khi xây dựng một HTHP phải xuất phát từ tính tổ chức, tính hệ thống và sự tác động qua lại, hỗ trợ lẫn nhau của các loại hình phạt trong HTHP. Nhà làm luật cần quán triệt đặc điểm này của HPBS khi xây dựng khung chế tài đối với từng loại tội phạm cụ thể trong PLHS. Khi quy định mức và loại HPBS phải tương xứng và phù hợp với HPC để khi áp dụng với HPC thì HPBS có thể phát huy được vai trò của mình với tư cách là loại hình phạt hỗ trợ cho HPC; tránh tình trạng HPBS được quy định lại nghiêm khắc hơn HPC mà nó được áp dụng kèm theo. Nếu nhà làm luật xây dựng được HTHP như vậy, thì mục đích của hình phạt sẽ đạt hiệu quả cao, vai trò của hình phạt cũng sẽ được nâng cao trong việc thực hiện CSHS. Do vậy, muốn tăng cường vai trò của HPBS trong thực hiện CSHS, thì khi quyết định hình

phạt phải quán triệt đường lối xử lý đồng thời kết hợp chặt chẽ giữa trừng trị với giáo dục, cải tạo. Bên cạnh đó, cần phải tổ chức tốt việc thi hành hình phạt trong đó có HPBS. Mục đích của CSHS và hình phạt chỉ đạt được khi bản án và quyết định của Tòa án được thi hành nghiêm chỉnh và đúng pháp luật.

1.2. Khái quát lịch sử lập pháp về hình phạt bổ sung

1.2.1. Hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự Việt Nam giai đoạn 1945 – 1985

Giai đoạn 1945 đến năn 1954:

Sau cách mạng tháng tám năm 1945, Nhà nước ta đã ban hành Sắc lệnh số 47/SL ngày 10 tháng 10 năm 1945 về việc tạm thời áp dụng các đạo luật hiện hành trước khi ban hành các bộ luật thống nhất của cả nước với yêu cầu là các đạo luật này chỉ được áp dụng không trái với nguyên tắc độc lập và chính thể của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (Điều 2). Theo sắc lệnh này, một số hình phạt bổ sung trong ba bộ luật BLHS của chế độ cũ (BLHS Bắc kỳ, BLHS Trung kỳ, BLHS Pháp tu chính) vẫn tiếp tục có hiệu lực ở cả ba kỳ. Các bổ túc hình hay còn gọi là hình phạt bổ sung trong các BLHS đó là: tịch thu tài sản; buộc bồi thường chi phí hay tổn hại; cấm quyền; tước quyền công dân; lưu sứ; quản thúc; câu thúc thân thể; niêm yết tên tuổi phạm nhân nơi công cộng.

Trong vòng 10 năm từ năm 1954 đến 1955 bên cạnh việc tạm thời giữ hiệu lực pháp luật của một số văn bản pháp luật hình sự có liên quan đến hình phạt bổ sung thời kỳ thực dân phong kiến, nhiều văn bản pháp luật hình sự và các văn bản pháp luật khác có tính chất hình sự quy định về tội phạm và hình phạt của chế độ mới đã được ban hành, đây là thành quả mang tính sáng tạo, nhân văn và các nguyên tắc, tư tưởng tiến bộ của nhân loại, các giá trị văn hóa, đạo đức, truyền thống của dân tộc phản ánh nhu cầu khách quan của xã hội, những yêu cầu của quá trình xây dựng nhà nước kiểu mới và đấu tranh chống thù trong giặc ngoài, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong quá trình xây dựng nền móng của hệ thống pháp luật kiểu mới, nhà làm luật rất chú trọng đến vai trò và công dụng của hình phạt bổ sung nên trong các văn bản pháp luật hình sự đầu tiên được ban hành,

hình phạt bổ sung đã được quy định áp dụng đối với từng loại tội phạm cụ thể. Các hình phạt bổ sung trong bộ luật hình sự thời kỳ này được quy định là: hình phạt tiền; tịch thu tài sản; tước quyền công dân; cấm làm một số nghề hoặc công việc nhất định, bồi thường thiệt hại; trong đó hình phạt tiền và tịch thu tài sản là hình phạt mang tính chất tùy nghi. Mặc dù, đã đạt được những thành tựu nhất định nhưng pháp luật hình sự trong thời kỳ này vẫn còn nhiều hạn chế như còn quy định lẫn lộn các biện pháp cưỡng chế hành chính với biện pháp hình sự, không có sự tách bạch, rạch ròi giữa hình phạt chính và hình phạt bổ sung; các hình phạt bổ sung trong văn bản pháp luật còn quy định chung chung, không nêu rõ nội dung, phạm vi, điều kiện, thời hạn áp dụng đối với từng loại hình phạt.

Giai đoạn 1955 đến 1985:

Đây là giai đoạn không còn áp dụng pháp luật hình sự của chế độ thực dân - phong kiến đến trước khi pháp điển hóa luật hình sự lần thứ nhất với việc ban hành BLHS năm 1985 [17]. Chế định hình phạt bổ sung trong giai đoạn này có những đặc điểm sau:

- Xóa bỏ hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự của thời kỳ thực dân - phong kiến, trong đó có chế định hình phạt bổ sung. Bên cạnh việc xóa bỏ hoàn toàn pháp luật của chế độ cũ, nhà nước ta tiếp tục bổ sung, hoàn thiệp pháp luật hình sự, trong đó có chế định hình phạt bổ sung.

- Pháp lệnh trừng trị các tội phản Cách mạng năm 1967 đã phân chia rõ ràng giữa hình phạt chính và hình phạt phụ, mà bản chất pháp lý của nó là hình phạt bổ sung. Điều 18 Pháp lệnh này đã quy định năm loại hình phạt phụ được áp dụng với các tội phản cách mạng, đó là: tước những quyền lợi của công dân; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản; quản chế; cư trú bắt buộc; cấm cư trú. Trong đó có ba hình phạt phụ mới: quản chế; cư trú bắt buộc; cấm cư trú.

- Trong các hình phạt bổ sung nêu trên, hình phạt tước những quyền lợi của công dân đã có sự hoàn thiện đáng kể về nội dung và thời hạn áp dụng, trước đây hình phạt này được quy định chung chung, không nêu rõ nội dung, thời hạn áp dụng thì ở Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng năm 1967, nội dung và thời hạn áp

dụng hình phạt đã được quy định rõ là người bị kết án bị tước từ hai năm đến năm năm những quyền lợi của công dân như: quyền bầu cử và ứng cử, quyền làm việc trong biên chế nhà nước và trong các tổ chức lực lượng vũ trang nhân dân; quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

- Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân ban hành năm 1970 quy định các hình phạt như sau: cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan trực tiếp đến tài sản xã hội chủ nghĩa từ hai năm đến năm năm; phạt tiền; quản chế; cư trú bắt buộc, cấm lưu trú ở một số địa phương nhất định từ một năm đến năm năm. Trong các hình phạt phụ trên, hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan trực tiếp đến tài sản xã hội chủ nghĩa từ hai năm đến năm năm là loại hình phạt mới được quy định.

Thời kỳ trước khi ban hành BLHS năm 1985 các văn bản pháp luật hình sự được ban hành chủ yếu là những văn bản pháp luật đơn hành (sắc luật, sắc lệnh, pháp lệnh, nghị định, thông tư,…) mỗi văn bản chỉ quy định một vấn đề riêng biệt. Các hình phạt bổ sung không được quy định ở tầm khái quát; nó không chỉ được quy định trong các văn bản pháp luật hình sự mà còn được quy định trong các văn bản khác, có tính chất hình sự. Trong một số văn bản pháp luật nhiều hình phạt bổ sung chỉ được nêu tên mà chưa được quy định rõ về phạm vi, nội dung cũng như điều kiện áp dụng. Ngoài ra hình phạt bổ sung trong các văn bản pháp luật thời kỳ này do chưa được hệ thống hóa nên ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng trong thực tiễn. Mặc dù có những tồn tại, hạn chế nêu trên nhưng việc quy định và áp dụng các hình phạt bổ sung trong thời kỳ này vẫn là những bài học kinh nghiệm cho quá trình pháp điển hóa pháp luật hình sự sau này.

- Những hình phạt bổ sung trong giai đoạn này được gọi là hình phạt phụ được áp dụng trong thời kỳ trước khi có BLHS năm 1985: Các hình phạt có tính chất tùy nghi (quản chế; phạt tiền; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản). Các hình phạt được áp dụng với tính chất là hình phạt phụ: cấm thực hành một số nghề nghiệp nhất định (thu hồi giấy phép kinh doanh, thu hồi bằng lái xe có thời hạn hoặc

vĩnh viễn; cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến tài sản xã hội chủ nghĩa; tước một số quyền công dân; cư trú bắt buộc; cấm cư trú).

1.2.2. Hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự 1985

Năm 1985 đánh dấu một bước phát triển mới trong công tác xây dựng pháp luật của Việt Nam thông qua việc ban hành BLHS năm 1985 vào ngày 27/6/1985. Đây là Bộ luật đầu tiên trong hệ thống pháp luật của Nhà nước ta mà tội phạm và hình phạt được quy định một cách thống nhất, tổng thể và có hệ thống trong cùng một văn bản. Từ khi BLHS năm 1985 có hiệu lực đến khi được thay thế bằng BLHS năm 1999, Quốc hội đã ban hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1985 vào các năm 1989, 1990, 1992, 1997. Chế định hình phạt bổ sung theo BLHS năm 1985 có những đặc điểm sau:

- Đã kế thừa những kinh nghiệm lập pháp pháp luật hình sự quy định về hình phạt bổ sung trong quá trình lập pháp của nước ta.

- Đây là lần đầu tiên BLHS được quy định hình phạt thành một một hệ thống hoàn chỉnh thể hiện tại Điều 26, hình phạt có hai loại đó là hình phạt chính và hình phạt bổ sung được quy định ở cả Phần chung và Phần các tội phạm.

Điều 26 Phần chung quy định các hình phạt bổ sung gồm: Cấm đảm nhiệm chức vụ, làm những nghề nghiệp hoặc làm những công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tước danh hiệu quân nhân; tịch thu tài sản; phạt tiền khi không áp dụng hình phạt chính. Trên cơ sở những quy định chung về hình phạt bổ sung, nhà làm làm luật đã quy định khái niệm, nội dung, điều kiện và phạm vi áp dụng đối với từng hình phạt bổ sung cụ thể.

1.2.3. Hình phạt bổ sung trong Bộ luật hình sự 1999

Bộ luật hình sự năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ VI thông qua, có hiệu lực ngày 01/7/2000. BLHS này đã thể hiện tập trung CSHS của Đảng và Nhà nước, quy định một cách thống nhất, tổng thể và có hệ thống trong cùng một văn bản những vấn đề về tội phạm và hình phạt trên cơ sở kế thừa các quy định của Bộ luật hình sự năm 1985. Từ khi BLHS năm 1999 có hiệu lực cho đến trước khi ban hành BLHS năm 2015, Nhà nước ta chỉ một lần ban hành luật sửa đổi bổ sung

một số điều của BLHS, đó là Luật số 37/2009/QH12 đã được Quốc hội khóa XII nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 19/6/2009 tại kỳ họp thứ 5 về sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật hình sự năm 1999. Về chế định HPBS trong BLHS năm 1999 có những đặc điểm sau:

- Nhà làm luật kế thừa một cách có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp về việc quy định các HPBS trong PLHS của nước ta trước đây.

- Trong hệ thống hình phạt được quy định tại Điều 28 BLHS năm 1999, ngoài việc quy định 07 HPC theo thứ tự từ thấp đến cao của mức độ nghiêm khắc của Nhà nước, tại khoản 2, Điều 28 có quy định 07 HPBS, gồm có: Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền khi không áp dụng là HPC; trục xuất, khi không áp dụng là HPC [18].

- Có sự đa dạng hóa các loại HPBS và quy định HPBS mới là hình phạt trục xuất; nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng cũng như về kỹ thuật lập pháp đối với các quy định về từng loại HPBS đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện một cách đáng kể; mức độ sử dụng HPBS trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 đã có sự điều chỉnh tương đối hợp lý, nhất là hình phạt tiền.

- Các chế định khác có liên quan đến HPC và HPBS cũng đã được quy định một cách tổng thể và chặt chẽ trong BLHS này như: Chính sách xử lý hình sự, mục đích của hình phạt, các căn cứ quyết hình phạt, tổng hợp hình phạt, các biện pháp miễn, giảm TNHS và hình phạt, xóa án tích, v.v…

Từ khi ra đời đến nay, Bộ luật hình sự hiện hành đã đóng góp to lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần quan trọng vào việc quản lý xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm; giữ vững an ninh chính trị an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích Nhà nước, của các tổ chức và công dân. Tuy nhiên, sau gần 14 năm thi hành Bộ luật hình sự năm 1999, tình hình đất nước ta có nhiều thay đổi lớn về mọi mặt nên Bộ luật hình sự đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập cần có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Bộ luật hình sự lần này được sửa đổi là nhằm xây dựng BLHS phù hợp với giai đoạn phát triển mới của đất nước sau Hiến

pháp 2013; phát huy hơn nữa vai trò của Bộ luật hình sự là công cụ pháp lý sắc bén, hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của đất nước, bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ và thúc đẩy nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa phát triển đúng hướng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường xã hội an toàn, lành mạnh cho mọi người dân, đồng thời đáp ứng hội nhập quốc tế của nước ta.

Tóm lại, việc hình thành, tồn tại và phát triển của mỗi loại HPBS nói riêng và chế định HPBS nói chung trong LHS nước ta từ năm 1945 đến nay gắn liền với sự phát triển kinh tế, chính trị xã hội và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong từng giai đoạn cách mạng. Hay nói cách khác, sự tồn tại và phát triển của chế định HPBS trong LHS nước ta luôn gắn liền với từng giai đoạn lịch sử của dân tộc, là quá trình có sự kế thừa, chọn lọc những thành tựu PLHS của nhà làm luật từ năm 1945 đến nay.

1.3. Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự một số nước

Qua tìm hiểu luật hình sự của một số nước cho thấy BLHS của các quốc gia đều quy định về hệ thống hình phạt. Dĩ nhiên, tuỳ thuộc vào trình độ và kỹ thuật lập pháp hình sự mà các loại hình phạt trong BLHS của mỗi nước sẽ quy định một cách phù hợp và có giá trị bắt buộc Toà án phải tuân theo khi quyết định hình phạt. Điều đó không chỉ tạo thuận lợi cho hoạt động quyết định hình phạt của Toà án mà còn đảm bảo cho hình phạt được quyết định đúng pháp luật và có tính khả thi cao.

Chẳng hạn như LHS của Pháp có quy định một số hình phạt bổ sung về nguyên tắc được thêm cho hình phạt chính. Khi thì pháp luật buộc Thẩm phán tuyên các hình phạt bổ sung (các hình phạt bổ sung bắt buộc), khi thì luật chỉ cho Thẩm phán tùy nghi áp dụng (các hình phạt bổ sung tùy nghi); hoặc các hình phạt bổ sung là các hình phạt được quy định đối với một số tội phạm nhất định và nhằm bổ sung cho các hình phạt chính và hình phạt bổ sung cần phải được quy định trong luật và được Thẩm phán tuyên phạt rõ ràng; hình phạt bổ sung là hình phạt có thể thêm vào hình phạt chính khi luật có quy định nó và được Thẩm phán tuyên đối với người bị

kết án; Các hình phạt được thêm vào hình phạt chính nhưng nó chỉ áp dụng với người phạm tội nếu đã được tuyên trong bản án kết tội của Tòa án [4, tr. 49].

Khi nghiên cứu hệ thống hình phạt theo Bộ luật hình sự Cộng hòa liên bang Đức, thấy rằng hệ thống hình phạt của Bộ luật này không đa dạng, hình phạt không được xác định là hình phạt chính hay hình phạt bổ sung. Nhưng qua cách quy định của Bộ luật có thể khẳng định rằng ở Cộng hòa liên bang Đức, phạt tiền vừa được áp dụng là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung. Bộ luật hình sự Cộng hòa Liên bang Đức cũng quy định cấm điều khiển các phương tiện giao thông là hình phạt bổ sung.

Trong pháp luật hình sự Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, hệ thống hình phạt bao gồm 03 loại hình phạt chính: Tử hình, tù có thời hạn hoặc chung thân, phạt tiền. Theo pháp luật hình sự của Liên bang thì hình phạt cấm đảm nhiệm những chức vụ hoặc hành nghề nhất định là hình phạt bổ sung. Về hệ thống hình phạt theo pháp luật hình sự của hầu hết các bang ở Hoa Kỳ thì hình phạt chính là tử hình, phạt tù, án treo và phạt tiền. Ngoài ra còn có các hình phạt bổ sung như: tịch thu tài sản, cấm đảm nhiệm những chức vụ hoặc ngành nghề nhất định, tước quyền bầu cử, cấm đảm nhiệm những công việc vì lợi ích xã hội.

Bộ luật hình sự Trung Quốc năm 1979 có hiệu lực từ ngày 01/01/1980, được sửa đổi ngày 14/3/1997, quy định hình phạt được chia làm hai loại: Hình phạt chính và hình phạt bổ sung (Điều 32). Các hình phạt chính được quy định tại Điều 33 gồm: Quản chế; giam giữ, tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình. Các hình phạt bổ sung được quy định tại Điều 34 gồm: Phạt tiền, tước quyền lợi chính trị, tịch thu tài sản. Theo Điều 35 của Bộ luật này thì trục xuất có thể được áp dụng với tính cách là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung đối với người phạm tội.

Trong khi đó, tại điều 9 của Bộ luật hình sự Nhật Bản, hệ thống hình phạt được chia thành hình phạt chính và hình phạt bổ sung. Các hình phạt chính bao gồm: Tử hình; phạt tù và lao động cưỡng bức; phạt tiền; bắt giam; phạt tiền với số lượng nhỏ. Tịch thu tài sản là hình phạt bổ sung. Trong bộ luật hình sự Nhật Bản

hình phạt tước hoặc hạn chế một số quyền không được quy định là hình phạt bổ sung, tuy nhiên hình phạt này được áp dụng căn cứ vào các đạo luật khác.

Từ những quy định về hình phạt bổ sung được quy định trong Bộ luật hình sự một số nước rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong việc quy định chế định phạt bổ sung. Lịch sử của chế định này trong PLHS Việt Nam luôn gắn liền với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nó là quá trình tiếp thu có sự kế thừa và chọn lọc.

Kết luận chương 1

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước, được luật quy định, do Tòa án nhân danh Nhà nước áp dụng đối với người phạm tội và được thể hiện ở việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của họ nhằm giáo dục, cải tạo họ và phòng ngừa tội phạm, đảm bảo cho luật hình sự thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và đấu tranh phòng, chống tội phạm. Hình phạt dù dưới dạng HPC hay HPBS cũng có quan hệ hữu cơ với nhau và có chung những đặc điểm cơ bản.

Trên cơ sở những đặc điểm chung của hình phạt, Luận văn đã nêu và phân tích những đặc điểm riêng của HPBS như đặc điểm về mục đích, đặc điểm về điều kiện áp dụng, đặc điểm về cách thể hiện trong luật cũng như phân biệt hình phạt bổ sung với các hình thức trách nhiệm hình sự khác. Từ đó cho thấy, HPBS cũng có những tính chất độc lập nhất định góp phần vào việc thực hiện các chức năng của LHS, trong đó vai trò nổi trội của HPBS chính là góp phần quan trọng vào việc thực hiện chức năng phòng ngừa tội phạm.

Nghiên cứu khái quát về lịch sử lập pháp của các quy định về HPBS trong LHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước năm 2015, luận văn đã cho thấy lịch sử của chế định này trong PLHS Việt Nam luôn gắn liền với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nó là quá trình tiếp thu có sự kế thừa và phát triển. Quá trình này thể hiện rõ nét tính lịch sử, khách quan, tính giai cấp của hình phạt nói chung và HPBS nói riêng. Hiểu được sự phát triển của chế định HPBS, có ý nghĩa quan trọng trong việc đổi mới để hoàn thiện chế định này trong quá trình đổi mới PLHS Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Chương 2

HÌNH PHẠT BỔ SUNG THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LONG AN

Hình phạt nói chung và HPBS nói riêng là một hiện tượng xã hội gắn liền với tội phạm. Việc quy định và việc áp dụng HPBS cũng được quyết định bởi các điều kiện xã hội và khả năng của xã hội. Sự thay đổi các điều kiện xã hội tác động đến việc quy định, áp dụng và thi hành HPBS. Vì thế, chúng tôi thống nhất với nhận định là phải đặt hình phạt trong một hoàn cảnh xã hội nhất định và trên cơ sở đó mà đánh giá toàn diện các mặt của nó [26, tr. 17].

Do đó, trong phần này, chúng tôi phân tích các khía cạnh của từng loại HPBS như: nội dung, vai trò, phạm vi và điều kiện áp dụng của HPBS được nhà lập pháp quy định theo pháp luật hiện hành cũng như các quy định về hình phạt bổ sung ở phần các tội phạm cụ thể. Đồng thời cũng nêu những đổi mới cơ bản về hình phạt bổ sung được quy định trong BLHS năm 2015. Khi nghiên cứu các loại HPBS, chúng tôi kết hợp sử dụng phương pháp tiếp cận truyền thống như phân tích, bình luận các quy định của LHS về HPBS để xác định mức độ hoàn thiện của các quy định về HPBS và những tồn tại, hạn chế cần khắc phục, trên cơ sở đó đề xuất hướng hoàn thiện các quy định về HPBS trong PLHS Việt Nam, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.1. Quy định về hình phạt bổ sung theo pháp luật hiện hành

2.1.1. Các hình phạt bổ sung theo phần chung Bộ luật hình sự 1999

Đấu tranh, phòng chống tội phạm là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục của bất kỳ Nhà nước nào. Và để thực hiện nhiệm vụ đó thì Nhà nước đã sử dụng nhiều biện pháp khác nhau về chính trị, kinh tế, giáo dục, pháp lý. Tuy nhiên, trong tất cả các biện pháp đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm thì hình phạt là biện pháp nghiêm khắc nhất, được áp dụng phổ biến nhất và có lịch sử lâu đời nhất. Hình phạt gồm có hình phạt chính và hình phạt bổ sung.

Theo quy định tại Điều 28 BLHS hiện hành thì hình phạt bổ sung gồm những hình phạt cụ thể sau:

2.1.1.1. Hình phạt Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định (Điều 36 BLHS)

- Khái niệm:

Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là hình phạt bổ sung, được áp dụng nhằm tước của người bị kết án quyền đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nói trên trong một thời gian nhất định khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội [19].

- Nội dung:

Nội dung của hình phạt này thể hiện ở việc hạn chế quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, công việc của người bị kết án. Cụ thể:

+ Bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định, Điều 277 BLHS 1999 quy định người có chức vụ là: "người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ". Tòa án có thể cấm người bị kết án không được đảm nhiệm một hoặc nhiều chức vụ nhất định. Chức vụ bị cấm ở đây phải là chức vụ do tòa án xác định trong bản án mà không phải là mọi loại chức vụ.

+ Bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Nghề nghiệp ở đây là chỉ loại công việc hằng ngày của con người để tìm kiếm lợi ích vật chất; có tính thường xuyên, ổn định trong thời gian; có thể phải được đào tạo qua trường lớp hoặc tự bản thân học hỏi. Trong khi đó công việc là chỉ đến những việc làm không ổn định, có tính chất nhất thời, thời vụ. Tùy từng trường hợp mà Tòa án cấm người phạm tội hành nghề hoặc làm công việc nhất định khi xét thấy nếu để họ hành nghề đó, làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội. Khi tuyên áp dụng HPBS này thì Tòa án phải tuyên rõ là cấm hành nghề nào, cấm làm công việc gì.

- Điều kiện và thời hạn áp dụng:

Điều 36 BLHS 1999 quy định "Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm

nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó, thì có thể gây nguy hại cho xã hội". Từ đó ta thấy HPBS này chỉ được áp dụng khi có đủ điều kiện sau:

Chỉ áp dụng kèm với hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn hoặc người bị kết án tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng kèm với hình phạt tù chung thân, tử hình, trục xuất (hình phạt chính).

Chỉ áp dụng hình phạt này nếu tại chế tài của điều luật mà người bị kết phạm phải có quy định loại hình phạt này.

Về thời hạn áp dụng, có thể từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu hình phạt chính là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

2.1.1.2. Hình phạt cấm cư trú (Điều 37 BLHS)

- Khái niệm:

Cấm cư trú là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù, buộc người đó không được tạm trú và thường trú từ một năm đến năm năm ở một số địa phương nhất định, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù [6, tr. 2].

- Nội dung:

Hình phạt cấm cư trú thể hiện ở chổ hạn chế quyền lựa chọn nơi cư trú của người phải chấp hành hình phạt này, buộc họ không được phép cư trú ở một địa phương nhất định. Luật không giải thích chỉ dẫn khái niệm "địa phương" mà từ thực tiễn cũng như tinh thần của hình phạt thì địa phương có thể được hiểu không chỉ là địa phương theo địa giới hành chính mà còn là chỉ một vùng gồm nhiều đơn vị hành chính khác nhau. Địa phương mà Tòa án thường hay tuyên cấm cư trú có thể là những khu vực xung yếu, quan trọng về an ninh-chính trị-quốc phòng (khu vực biên giới, hải đảo, khu vực có các cơ sở quốc phòng), các khu vực quan trọng trong thành phố, các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế tập trung…

- Điều kiện và thời hạn áp dụng:

Theo quy định tại Điều 37 BLHS thì "Cấm cư trú là buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú và thường trú ở một số địa phương nhất định". Như vậy

HPBS này trước hết chỉ được áp dụng cho người chấp hành hình phạt tù. Hình phạt tù ở đây theo tác giả là tù có thời hạn chứ không thể là tù chung thân bởi vì hình phạt tù chung thân về nguyên tắc là tước đoạt tự do suốt đời của người phạm tội nên việc áp dụng HPBS cấm cư trú là không khả thi. Mặt khác nếu người bị tuyên án chung thân được hưởng khoan hồng trong quá trình chấp hành hình phạt mà được trả tự do thì đó cũng không còn thuộc giai đoạn xét xử của Tòa án nữa. Tòa án cũng không thể áp dụng HPBS này với lý do trên bởi không có cơ sở khi mà quá trình chấp hành án chưa diễn ra.

Chỉ áp dụng hình phạt này nếu tại chế tài của điều luật có quy định loại hình phạt này. Đa số các điều luật quy định tội phạm này đều cho phép Tòa án được tùy nghi lựa chọn HPBS này. Chỉ riêng khoản 4 Điều 221 BLHS 1999 (tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy) quy định: "Người phạm tội còn bị phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm." Đây là quy định bắt buộc Tòa án phải lựa chọn một trong hai biện pháp trên để áp dụng với người phạm tội.

Khi áp dụng HPBS này, Tòa án phải xác định cụ thể cấm người bị kết án cư trú ở những địa phương nào, khu vực nào.

Về thời hạn của hình phạt, có thể từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Và khi người bị cấm cư trú có đủ các điều kiện dưới đây thì có thể được xét giảm hoặc miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú còn lại như: đã chấp hành được ít nhất một phần hai thời hạn cấm cư trú; tích cực lao động, học tập, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của chính quyền địa phương; được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi đang cư trú đề nghị.

2.1.1.3. Hình phạt quản chế (Điều 38 BLHS)

- Khái niệm:

Quản chế là hình phạt bổ sung áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong những trường hợp khác do Bộ Luật hình sự quy định, buộc người đó phải cư trú, làm ăn sinh sống và cải tạo ở một địa phương nhất định từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp

hành xong hình phạt tù, có sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương (Điều 1 Nghị định số 53/2001/NĐ-CP hướng dẫn thi hành hình phạt cấm cư trú và quản chế).

- Nội dung:

Quản chế là hình phạt bổ sung có tính nghiêm khắc hơn so với hình phạt cấm cư trú. Người bị kết án chỉ được cư trú ở một địa phương nhất định, thông thường nơi quản chế là nơi sinh quán hoặc trú quán của người bị kết án, nhưng cũng có thể là một nơi khác thích hợp.

Họ bị tước một số quyền công dân như: Quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước; quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân. Việc tước một số quyền công dân nêu trên là bắt buộc áp dụng đối với người bị quản chế.

Trong thời gian quản chế, người bị kết án cũng bị cấm hành nghề hoặc công việc nhất định. Những nghề hoặc công việc nhất định mà người bị phạt quản chế bị cấm làm do Toà án quyết định, căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể và yêu cầu giáo dục, cải tạo người bị kết án.

Trong thời gian quản chế, người chấp hành hình phạt này phải chịu sự kiểm soát, giáo dục của chính quyền và nhân dân địa phương. Người bị quản chế phải tích cực học tập, lao động, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ của một công dân… để hoàn thiện bản thân, trở thành người có ích cho xã hội.

- Điều kiện và thời hạn áp dụng:

Điều 38 BLHS quy định hình phạt quản chế được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về tội xâm phạm an ninh quốc gia, người tái phạm nguy hiểm hoặc trong trường hợp khác do BLHS quy định. Như vậy, theo quy định thì hình phạt quản chế được áp dụng một trong ba trường hợp sau:

Hình phạt quản chế được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia quy định tại Chương XI, Phần các tội phạm BLHS;

Hình phạt quản chế được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù trong trường hợp tái phạm nguy hiểm;

Hình phạt quản chế được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù trong những trường hợp khác do BLHS sự quy định.

Theo Nghị quyết số 01/2000 ngày 04/8/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999 thì: "Chỉ trong trường hợp mà Điều 92 hoặc điều luật quy định về tội phạm và hình phạt của BLHS năm 1999 có quy định hình phạt bổ sung là quản chế, thì mới được áp dụng loại hình phạt bổ sung này" [29, tr. 2]. Và khi áp dụng Tòa án cũng phải nói rõ địa phương nơi người chấp hành hình phạt bị quản thúc.

Về thời hạn áp dụng theo quy định của Điều 38 BLHS 1999 là "từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù" Theo khoản 5 Điều 57 BLHS và điều 14 của Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ, người bị quản chế nếu đã chấp hành được một nửa thời hạn hình phạt và có nhiều tiến bộ như đã thành thật hối lỗi, tích cực lao động, học tập, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và quy định về quản chế thì theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quản chế, Toà án nhân dân cấp huyện nơi chấp hành án có thể quyết định miễn việc chấp hành phần hình phạt còn lại.

2.1.1.4. Hình phạt tước một số quyền công dân (Điều 39 BLHS)

- Khái niệm:

Tước một số quyền công dân là hình phạt bổ sung áp dụng đối với công dân Việt Nam bị kết án tù về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác được BLHS quy định.

- Nội dung:

Quyền công dân là một khái niệm rất rộng bao gồm nhiều quyền khác nhau về kinh tế, chính trị, xã hội. Điều 39 chỉ tước những quyền chính trị cơ bản của người công dân nhằm ngăn ngừa họ sử dụng những quyền đó để tái phạm. Cụ thể:

Tước quyền ứng cử, quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước.

Tước quyền làm việc trong các cơ quan Nhà nước, nghĩa là Tòa án không cho phép người bị kết được làm việc trong các cơ quan Nhà nước, không cho họ được quyền trở thành cán bộ, công chức Nhà nước.

Tước quyền phục vụ trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tức là người bị kết án không được phép tham gia vào các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Điều kiện và thời hạn áp dụng:

HPBS Tước một số quyền công dân được áp dụng trong trường hợp:

Đối với bị cáo là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên; không áp dụng đối với người chưa thành niên, người không quốc tịch, người nước ngoài.

Đối với người bị kết án phạt tù về một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia (các tội thuộc Chương XI-BLHS 1999) hoặc một số tội phạm khác mà điều luật về tội phạm đó có quy định.

Tước một số quyền công dân là HPBS được áp dụng tùy nghi nên Tòa án có thể lựa chọn việc áp dụng HPBS này hay là không. Hình phạt này có thể áp dụng khi Tòa án thấy rõ rằng người bị kết có nguy cơ sử dụng các quyền chính trị cơ bản của mình để thực hiện hành vi phạm tội mới. Khi áp dụng hình phạt Tòa án phải chỉ rõ người bị kết án bị tước đi những quyền cụ thể nào và thời hạn tước một số quyền công dân là từ một năm đến năm năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo.

2.1.1.5. Hình phạt tịch thu tài sản (Điều 40 BLHS)

- Khái niệm:

Tịch thu tài sản là hình phạt bổ sung, tước một phần hoặc toàn bộ tài sản của người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng sung quỹ Nhà nước.

- Nội dung:

Nội dung cơ bản của hình phạt này là việc Tòa án quyết định tước đi một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người phạm tội để sung vào quỹ Nhà

nước. HPBS này nhằm triệt để thu hồi các tài sản của người bị kết án do thu lợi bất chính mà có; đồng thời, nó còn triệt tiêu cơ sở kinh tế của người phạm tội nhằm ngăn ngừa họ sử dụng tài sản đó để tiếp tục phạm tội, gây nguy hại cho xã hội. Xét về bản chất thì Tịch thu tài sản không phải là việc bồi thường thiệt hại vật chất do tội phạm gây ra. Chính vì thế, HPBS này có thể áp dụng với các tội phạm không gây ra thiệt hại vật chất.

Tài sản bị tịch thu không phải là những tang vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm bởi những loại tài sản như thế đương nhiên bị tịch thu và xử lý theo quy định của pháp luật Tố tụng Hình sự, mà tài sản ở đây được hiểu là những tài sản (theo pháp luật dân sự về tài sản) khác mà thuộc sở hữu của người bị kết án.

- Điều kiện và phạm vi áp dụng:

"Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng trong trường hợp do Bộ luật này quy định" (Điều 40 BLHS 1999). Như vậy, HPBS Tịch thu tài sản được áp dụng khi có các điều kiện sau:

Chỉ được áp dụng đối người bị kết án về tội nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng. Xét từ quy định về các loại hình phạt chính thì Tịch thu tài sản có thể áp dụng với hầu hết các loại hình phạt chính (trừ hình phạt cảnh cáo vì loại hình phạt này chỉ được áp dụng cho tội ít nghiêm trọng). Tuy nhiên, về lý thuyết nếu Tòa án vận dụng điều 47 BLHS 1999 để tuyên hình phạt cảnh cáo là hình phạt nhẹ hơn hình phạt mà điều luật quy định cho bị cáo, thì Tòa án vẫn có quyền tuyên tịch thu tài sản trong trường hợp này.

Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội mà điều luật về tội phạm đó có quy định cho phép áp dụng HPBS này.

Khi áp dụng hình phạt Tịch thu tài sản, Tòa án phải tuyên rõ là tịch thu một phần hay toàn bộ tài sản, tịch thu những tài sản gì, phần tài sản nào, không tuyên theo kiểu chung chung như "tịch thu 1/2 tài sản". Nếu tài sản có nhiều chủng loại thì Tòa án phải lập danh mục các loại tài sản bị tịch thu kèm theo.

Theo quy định tại Điều 40 BLHS thì "Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống". Hiện nay chưa có văn bản chính thức giải thích nhưng thực tiễn xét xử và thi hành thì những loại tài sản sau đây không được tịch thu: số lương thực đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người bị kết án và gia đình trong thời gian chưa có thu nhập, thu hoạch mới; số thuốc men cần dùng cho nhu cầu phòng, chữa bệnh của người bị kết án và gia đình; công cụ lao động thông thường cần thiết được dùng làm phương tiện sinh sống chủ yếu hoặc duy nhất của người bị kết án và gia đình; số quần áo, đồ dùng sinh hoạt thông thường cần thiết cho người bị kết án và gia đình theo mức tối thiểu ở từng địa phương như nồi, xoong, bát đĩa, giường, tủ, bàn ghế và các vật dụng thông thường khác có giá trị không lớn; đồ dùng thờ cúng thông thường theo tập quán ở địa phương [34].

Nếu người bị kết án phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tội phạm của mình gây ra thì việc tiến hành tịch thu tài sản chỉ được tiến hành sau khi đã bồi thường đầy đủ cho các thiệt hại nói trên.

2.1.1.6. Hình phạt phạt tiền (Điều 30 BLHS)

- Khái niệm:

Hình phạt tiền là một loại hình phạt được áp dụng với tư cách là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung, khi hình phạt chính là loại hình phạt khác, do Tòa án quyết định trong những trường hợp do BLHS quy định mà theo đó người bị kết án bị tước một số tiền nhất định tùy theo mức độ nghiêm trọng của tội phạm trên cơ sở xem xét đến tình hình tài sản của người bị kết án và sự biến động của giá cả thị trường [27, tr. 17].

- Nội dung:

Khi áp dụng hình phạt tiền là Tòa án đã quyết định tước đi của người bị kết án một khoản tiền nhất định để bổ sung cho công quỹ Nhà nước. Đây là hình phạt tước đi quyền lợi vật chất của người bị kết án, có khả năng tác động một cách trực tiếp và có hiệu quả về mặt kinh tế đối với người phạm tội.

- Điều kiện áp dụng và mức phạt tiền:

Khoản 2 Điều 30 BLHS 1999 quy định: "Phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma tuý hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định". Như vậy, hình phạt tiền với tư cách là HPBS được áp dụng khi:

Người phạm tội bị kết án về các tội liên quan đến tham nhũng, ma túy, hoặc tội phạm khác mà BLHS 1999 có quy định.

Trong phần chế tài của điều luật về tội phạm đó có quy định về hình phạt tiền là hình phạt bổ sung.

Điều 30 BLHS không quy định cụ thể về các loại hình phạt chính được áp dụng mà hình phạt tiền (với tư cách là HPBS) có thể đi kèm. Tuy nhiên, qua cách quy định về các loại tội phạm và nội dung các hình phạt chính thì ta có thể thấy hình phạt tiền có thể đi kèm với bất cứ hình phạt chính nào khác (đương nhiên là trừ khi bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền)

Khoản 3 Điều 30 BLHS năm 1999 quy định: "Mức phạt tiền được quyết định tuỳ theo tính chất và mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn một triệu đồng". Như vậy, khi quyết định mức phạt tiền, ngoài những căn cứ quyết định hình phạt quy định tại Điều 45 BLHS năm 1999, Toà án còn phải xem xét và cân nhắc những căn cứ riêng biệt như "tình hình tài sản của người phạm tội" và "sự biến động của giá cả" để có thể quyết định mức hình phạt hợp lý, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đồng thời còn đảm bảo hình phạt đã tuyên có tính khả thi.

Và theo đó, mức phạt tối thiểu cho hình phạt tiền là một triệu đồng. Luật không quy định mức tối đa cho hình phạt tiền. Điều này cho phép Tòa án có sự tùy nghi lựa chọn mức tiền phạt cụ thể cho từng trường hợp cụ thể, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, khả năng giáo dục tội phạm của hình phạt cũng như tính khả thi của hình phạt khi thi hành.

Ngoài ra, khoản 4 Điều 30 BLHS 1999 còn quy định: "Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do Toà án quyết định trong bản án". Cách

quy định này đã tạo điều kiện thuận lợi để những người bị kết án với những điều kiện, hoàn cảnh và khả năng tài sản khác nhau đều có thể thi hành án phạt tiền mà Toà án đã tuyên cần áp dụng với họ. Và trách nhiệm của Toà án trong trường hợp như vậy là phải xác định rõ thời hạn thi hành hình phạt tiền của người bị kết án trong bản án.

2.1.1.7. Hình phạt trục xuất (Điều 30 BLHS)

- Khái niệm:

"Trục xuất là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung áp dụng đối với người nước ngoài phạm tội (người không có quốc tịch Việt Nam) buộc người đó trong thời hạn nhất định phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam" [7, tr. 1].

- Nội dung:

Nội dung của trục xuất là không cho người bị áp dụng hình phạt này được cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là hình phạt mới được bổ sung vào trong BLHS 1999, còn trong BLHS 1985 không quy định loại hình phạt này mà nó được áp dụng như một loại chế tài hành chính. Sự bổ sung này nhằm kịp thời đối phó với các loại tội phạm do người nước ngoài thực hiện trong xu thế hội nhập, mở rộng giao lưu hợp tác quốc tế.

- Điều kiện áp dụng:

Bộ luật hình sự 1999 không quy định những tiêu chí cụ thể cho loại hình phạt này như phạm vi áp dụng, điều kiện áp dụng, thời hạn xóa án tích… và cũng không quy định hình phạt này trong bất cứ một điều luật cụ thể nào tại Phần các tội phạm của BLHS. Do vậy bằng những quy định đang có hiệu lực, có thể thấy, hình phạt trục xuất có thể được áp dụng với những điều kiện sau:

Hình phạt này chỉ áp dụng cho các đối tượng là người nước ngoài cư trú tại Việt Nam. Người nước ngoài ở đây được hiểu theo quy định pháp luật về quốc tịch hiện hành là người không có quốc tịch Việt Nam hoặc là người không quốc tịch. Cần lưu ý rằng đối với những người nước ngoài đang là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và những người nước ngoài khác được hưởng những quyền ưu đãi,

miễn trừ thì vấn đề trách nhiệm hình sự của họ được giải quyết theo con đường ngoại giao. Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 54/2001/NĐ-CP, ngày 23/8/2001 của Chính phủ quy định: "Việc trục xuất người nước ngoài phạm tội thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự được giải quyết bằng con đường ngoại giao". Có một số ý kiến cho rằng: "hình phạt trục xuất sẽ không được áp dụng đối với người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam" [36, tr. 229].

Có thể thấy, xét mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân với nhà nước thì nếu một người không quốc tịch (không gắn bó về mặt pháp lý với một nhà nước cụ thể) mà đang thường trú (cư trú có tính ổn định lâu dài và được thừa nhận) tại Việt Nam thì lẽ đương nhiên cá nhân sẽ có mối quan hệ gắn bó với nhà nước Việt Nam nhất. Nếu áp dụng trục xuất đối với những cá nhân này thì không những gây khó khăn cho việc thi hành hình phạt, mà còn đi ngược lại tinh thần chung của hình phạt trục xuất là hình phạt dành cho người phạm tội ít gắn bó với nhà nước Việt Nam.

Luật hiện hành chỉ quy định áp dụng trục xuất đối với người nước ngoài phạm tội mà không quy định cụ thể là loại tội gì (hiện tại trong Phần các tội phạm không quy định về trục xuất). Vì thế có thể hiểu, nếu người nước ngoài phạm bất cứ tội danh nào được quy định trong BLHS 1999 thì đều có thể bị áp dụng HPBS trục xuất. Khi đó, Tòa án có quyền tùy nghi lựa chọn áp dụng hình phạt trục xuất đối với người nước ngoài phạm tội hay là không. Pháp luật cũng không quy định cụ thể trường hợp nào thì trục xuất được áp dụng như là HPBS và nó có thể đi kèm với những hình phạt chính nào (tất nhiên là phải trừ hình phạt chính là trục xuất). Đây sẽ là vấn đề cần phải được quy định rõ ràng và chặt chẽ hơn.

Như vậy, ta thấy rằng với hình phạt chính (đặc biệt là các hình phạt tước quyền tự do, tính mạng) thì vai trò của các tổ chức xã hội, quần chúng tham gia có phần hạn chế. Còn đối với các HPBS, khả năng tham gia của các thành phần trên lại được chú trọng hơn. Quá trình chấp hành hình phạt bổ sung không tách người đó ra khỏi đời sống cộng đồng, xã hội mặc dù có thể quyền tự do của họ không còn được đảm bảo như đối với công dân bình thường khác. Nhờ đó cộng đồng có thể tích cực

trong việc tham gia giáo dục người phạm tội, có khả năng phát hiện kịp thời các vi phạm của họ để ngăn ngừa tội phạm. Ngoài ra, khi cho phép địa phương, quần chúng cùng tham gia giáo dục cải tạo người phạm tội thì khả năng tuyên truyền, răn đe, giáo dục đối với chính cộng đồng đó cũng thuận lợi hơn. Tăng cường hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

2.1.2. Quy định hình phạt bổ sung ở phần các tội phạm

2.1.2.1. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định

Trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999, hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được quy định trong 127 điều luật về tội phạm trên tổng số 261 điều luật về tội phạm và 347 khung chế tài, chiếm trên tổng số 674 tổng số khung chế tài. Đến khi có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 [22] thì phạm vi áp dụng loại hình phạt này được mở rộng trong 135 điều luật về tội phạm trên tổng số 268 điều luật về tội phạm và 368 khung chế tài trên tổng số 699 khung chế tài.

Trong tổng số 127 điều luật về tội phạm có quy định hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, có 23 điều luật quy định có tính chất bắt buộc áp dụng hình phạt này đối với người bị tuyên phạt HPC không phải là tù chung thân, tử hình hoặc trục xuất, có nghĩa là đối với bị cáo phạm một trong những tội này, Tòa án bắt buộc phải áp dụng hình phạt này với họ. Còn lại 104 điều luật về tội phạm quy định hình phạt này chỉ có tính chất tùy nghi áp dụng. Đối với các trường hợp này, theo Điều 36 BLHS 1999 quy định, Tòa án cần phải xem xét toàn diện các tình tiết của vụ án để cân nhắc việc áp dụng HPBS này đối với bị cáo. Nếu xét thấy để họ vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể sẽ phạm tội mới, gây nguy hại cho xã hội thì cần phải áp dụng hình phạt này đối với họ.

2.1.2.2. Tước một số quyền công dân

Theo Điều 92 BLHS, tước một số quyền công dân được tùy nghi áp dụng đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia (ANQG), nên khi quyết định hình phạt, Tòa

án cần phải cân nhắc kỹ tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và yêu cầu của phòng ngừa tái phạm.

Nhìn chung, hình phạt này chỉ áp dụng đối với người bị kết án, nếu các tình tiết của vụ án và nhân thân của họ cho thấy rõ nguy cơ là người đó trong tương lai sẽ sử dụng các quyền chính trị của mình, bao gồm các quyền quy định tại Điều 39 BLHS để tiếp tục phạm tội mới. Ngoài các tội xâm phạm ANQG, Điều 39 BLHS hiện hành có quy định hình phạt này còn được áp dụng đối với các tội phạm khác, tức là các tội phạm cụ thể được quy định tại các chương khác trong Phần các tội phạm BLHS. Nhưng khi nghiên cứu các chương khác của Phần các tội phạm của BLHS lại cho thấy không có một điều luật về tội phạm và hình phạt nào cho phép áp dụng hình phạt này [32]. Như vậy, đã có sự không đồng bộ trong các quy định tại Phần chung và Phần các tội phạm BLHS liên quan đến hình phạt tước một số quyền công dân. Theo nguyên tắc pháp chế, hình phạt này chỉ được phép áp dụng nếu điều luật về tội phạm và hình phạt có quy định. Cho nên, đối với tất cả những trường hợp bị cáo bị tuyên phạt về loại HPC nào, mức án là bao nhiêu về một trong các tội phạm được quy định trong các chương khác ở Phần các tội phạm BLHS, tức là ngoài chương XI quy định về các tội xâm phạm ANQG, đều không được phép áp dụng kèm theo hình phạt tước một số quyền công dân với tính chất là một loại HPBS.

2.1.2.3. Cấm cư trú

Nghiên cứu cho thấy, BLHS năm 1999 đã thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt cấm cư trú. Trong khi BLHS năm 1985 quy định hình phạt cấm cư trú được áp dụng đối với các tội phạm quy định trong 43 điều luật về tội phạm cụ thể [17] thì BLHS năm 1999 chỉ quy định hình phạt cấm cư trú trong 26 điều luật về tội phạm trên tổng số 261 điều luật về tội phạm và 68 khung chế tài trên tổng số 674 tổng số khung chế tài.

Đến khi có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 thì hình phạt này còn được quy định cho hai loại tội phạm mới, đó là tội khủng bố

(Điều 230a) và tội tài trợ khủng bố (Điều 230b). Đối với đa số các tội phạm này, nhà làm luật chủ yếu quy định cho phép Tòa án có thẩm quyền áp dụng dưới dạng tùy nghi. Chỉ riêng đối với tội chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy, khoản 4 Điều 221 mới quy định việc áp dụng loại hình phạt cấm cư trú là bắt buộc trong việc lựa chọn với hình phạt quản chế. Nguyên nhân BLHS quy định hạn chế phạm vi áp dụng hình phạt cấm cư trú, theo bản thân tôi một phần không nhỏ là do hiệu quả áp dụng hình phạt này trong thực tiễn là rất hạn chế.

Mặc dù, Điều 37 BLHS không quy định cụ thể hình phạt cấm cư trú được áp dụng với loại tội phạm nào, nhưng nghiên cứu Phần các tội phạm BLHS cho thấy hình phạt này được quy định trước hết và chủ yếu là đối với các tội xâm phạm ANQG (chương XI) và một số tội xâm phạm an toàn công cộng (chương XIX). Ngoài ra, cấm cư trú còn được quy định với một số tội phạm khác như: tội giết người (Điều 93), tội mua bán phụ nữ (Điều 119), tội cướp tài sản (Điều 133), tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 134), tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197) và tội vi phạm quy chế về khu vực biên giới (Điều 273).

2.1.2. 4. Quản chế

Nghiên cứu Phần các tội phạm của BLHS hiện hành cho thấy: nếu so sánh với tổng số điều luật quy định về tội phạm thì có 29 điều luật cho phép áp dụng quản chế đối với các tội phạm quy định tại các điều luật ấy trên tổng số 261 điều luật về tội phạm; còn nếu so sánh về tổng số khung chế tài thì có 78 khung quy định cho phép áp dụng quản chế đối với các trường hợp phạm tội cụ thể trên tổng số 671 khung chế tài. Nếu so sánh với tổng số điều luật về tội phạm có quy định HPBS, số điều luật quy định quản chế là 29 điều trên tổng số 185 điều luật về tội phạm có quy định HPBS; còn so sánh với tổng số khung chế tài có quy định áp dụng HPBS thì số khung chế tài có quy định quản chế là 78 trên tổng số 514 khung chế tài quy định HPBS. Đến khi có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 [22] thì hình phạt này được quy định thêm ra hai loại tội phạm mới, đó là tội khủng bố (Điều 230a) và tội tài trợ khủng bố (Điều 230b).

2.1.2.5. Trục xuất

Theo quy định của Điều 32 BLHS, trục xuất có nội dung "buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam" và với mục đích chủ yếu là phòng ngừa việc tái phạm tội của họ. Như vậy, Điều 32 BLHS không chỉ quy định nội dung của hình phạt mà còn quy định đối tượng bị áp dụng hình phạt trục xuất phải là người nước ngoài.

Trong những năm gần đây, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam tìm kiếm các cơ hội đầu tư làm ăn, du lịch có xu hướng tăng mạnh. Tuy nhiên, cùng với sự gia tăng các hoạt động giao lưu về kinh tế, văn hóa, du lịch… số lượng người nước ngoài lợi dụng các điều kiện thuận lợi này để tiến hành các hoạt động phạm tội trên lãnh thổ nước ta có xu hướng ngày càng tăng. Cho nên, trục xuất với tính chất là HPBS được Tòa án các cấp áp dụng với bị cáo là người nước ngoài cũng có chiều hướng tăng lên trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, Điều 32 chỉ quy định trục xuất được áp dụng với tính chất là HPC hoặc HPBS trong từng trường hợp cụ thể, còn trong Phần các tội phạm của BLHS lại không có điều luật nào về tội phạm có quy định hình phạt này với tính chất là HPC hoặc HPBS. Vì quy định như vậy nên trong thực tiễn xét xử, Tòa án các cấp không nhận thức được một cách thống nhất là trục xuất được áp dụng đối với loại tội phạm nào? Và khi nào áp dụng trục xuất là HPC, khi nào áp dụng là HPBS? Nếu là HPBS thì trục xuất có thể áp dụng kèm theo HPC nào. Sau thời gian bao lâu thì người bị trục xuất được phép được nhập cảnh vào Việt Nam? Ngoài ra, trong các điều luật ở Phần chung BLHS về các biện pháp miễn chấp hành hình phạt, thời hiệu thi hành án, xóa án tích lại không có những quy định liên quan đến những trường hợp bị kết án trục xuất. Vì vậy, bản thân tôi cho rằng cần điều chỉnh lại chế định hình phạt trục xuất, mà trong đó phải thể hiện rõ định nghĩa pháp lý, nội dung, điều kiện, phạm vi áp dụng cũng như một số vấn đề khác có liên quan.

2.1.2. 6. Phạt tiền

Hình phạt tiền bổ sung trong BLHS hiện hành được quy định tùy nghi áp dụng trong 301 khung chế tài của 103 điều luật trên tổng số 674 khung chế tài của

261 điều luật về tội phạm. Như vậy, mức độ quy định và khả năng áp dụng hình phạt tiền bổ sung trong BLHS cũng rất lớn trên tổng số điều luật về tội phạm cũng như trong tổng số khung chế tài của các điều luật về tội phạm trong Phần các tội phạm BLHS. Đến khi có Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS ngày 19/6/2009 thì phạm vi áp dụng loại hình phạt này được mở rộng trong 114 điều luật về tội phạm trên tổng số 268 điều luật về tội phạm và 322 khung chế tài trên tổng số 699 khung chế tài. Đó là tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 97), các tội phạm về ma túy (từ Điều 185b đến Điều 185k và các điều 185m, 185n), các tội xâm phạm trật tự công cộng (từ Điều 199 đến Điều 202); và một số tội phạm về chức vụ (từ Điều 226 đến Điều 228a) [1].

Trong từng chương Phần các tội phạm BLHS, cho thấy có 09 chương trên 14 chương trong Phần các tội phạm BLHS có quy định hình phạt tiền bổ sung. Trong đó, hình phạt này được quy định triệt để đối với các nhóm tội tham nhũng, tội phạm ma úy, tội phạm về môi trường. Còn đối với các tội phạm kinh tế và tội phạm xâm phạm sở hữu, hình phạt này được áp dụng tương đối ít hơn.

Như vậy, mặc dù khoản 2 Điều 30 BLHS quy định có tính chất định hướng là hình phạt tiền bổ sung được áp dụng trước hết là với những người bị kết án về các tội phạm tham nhũng, ma túy, nhưng thực tiễn pháp luật như nêu trên lại cho thấy: ngoài các nhóm tội phạm tham nhũng, ma túy ra, BLHS còn quy định hình phạt tiền với một số nhóm tội phạm khác ở các chương XIV, XVI, XVII và các tội xâm phạm trật tự công cộng ở chương XIX, những tội này có tính chất vụ lợi hoặc dùng tiền làm phương tiện hoạt động. Điều này cho thấy rằng BLHS hiện hành không phủ nhận mà có sự kế thừa và hoàn thiện Điều 23 BLHS năm 1985 quy định về hình phạt tiền.

2.1.2. 7. Tịch thu tài sản

Nghiên cứu Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 cho thấy: Nếu so sánh với tổng số điều luật quy định về tội phạm thì có 38 điều luật cho phép áp dụng hình phạt tịch thu tài sản đối với các tội phạm quy định tại các điều luật ấy trên tổng số 261 điều luật về tội phạm; so với số khung chế tài thì có 117 khung quy định cho

phép áp dụng hình phạt tịch thu tài sản đối với các trường hợp phạm tội cụ thể, trên tổng số 674 khung chế tài. Hình phạt tịch thu tài sản được quy định tại 06 chương trong Phần các tội phạm BLHS năm 1999 chương XI, XIV, XVI, XVIII, XIX, XXI. BLHS năm 1999 quy định hình phạt này cho các tội phạm ở dạng tùy nghi áp dụng.

Nhìn chung, chế định HPBS trong pháp luật hiện hành đã có sự kế thừa và hoàn thiện hơn so với trước, thể hiện: có sự đa dạng hóa các loại HPBS với việc quy định HPBS mới là hình phạt trục xuất; nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng cũng như về kỹ thuật lập pháp đối với các quy định về từng loại HPBS đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện một cách đáng kể; mức độ sử dụng HPBS trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 đã có sự điều chỉnh tương đối hợp lý, nhất là hình phạt tiền. Điều này nhằm giúp cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm ngày càng đạt hiệu quả.

2.1.3. Những đổi mới cơ bản về hình phạt bổ sung theo Bộ luật hình sự năm 2015

Bộ luật hình sự đầu tiên của Việt Nam ra đời năm 1985, đánh dấu một bước tiến lớn của công tác lập pháp. Bộ luật này ra đời trong bối cảnh của nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp. Những thay đổi về kinh tế, xã hội, yêu cầu hội nhập kinh tế, mở rộng quan hệ quốc tế, không phân biệt chế độ chính trị là những đòi hỏi tất yếu phải sửa đổi hệ thống pháp luật, trong đó có BLHS. Chính vì vậy, BLHS Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung vào các năm 1989, 1991, 1992, 1997, 1999, 2009. Trong những năm qua, BLHS thực sự trở thành một công cụ sắc bén của Nhà nước trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ chế độ, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ quyền, lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân và góp phần to lớn trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên, trước những thay đổi lớn về kinh tế - xã hội và nhu cầu ngày càng cao về hội nhập quốc tế đặc biệt là sau khi Hiến pháp năm 2013 ra đời, đồng thời qua thực tiễn áp dụng thì BLHS cũng bộc lộ những hạn chế, bất cập, vướng mắc bởi có những quy định không còn phù hợp cần phải sửa đổi, có những mối quan hệ xã hội cần phải điều chỉnh bằng pháp luật hình sự để bảo đảm sự phát triển của xã hội

hiện tại và tương lai. Chính vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung BLHS hiện hành là một yêu cầu tất yếu, đặc biệt là yêu cầu thi hành Hiến pháp năm 2013.

Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời bảo đảm thể chế hóa chủ trương cải cách tư pháp của Đảng, bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013, tạo ra cơ chế hữu hiệu để bảo vệ chế độ, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, lợi ích của Nhà nước và tổ chức, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo vệ an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Bộ luật hình sự năm 2015 ra đời với sự đổi mới chính sách hình sự nhằm bảo vệ và thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đề cao tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, tôn trọng và bảo đảm thực thi đầy đủ quyền con người được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013 như: mở rộng phạm vi áp dụng loại trừ trách nhiệm hình sự trong các trường hợp bắt giữ người phạm pháp; hạn chế đến mức tối đa trong quy định, áp dụng và thi hành hình phạt tử hình, giảm hình phạt tù; mở rộng việc quy định, áp dụng các hình phạt khác không phải là hình phạt tù như cải tạo không giam giữ, phạt tiền,...

Trong BLHS năm 2015 vấn đề hình phạt được quy định tại chương VI cụ thể:

Tại Điều 32 của BLHS năm 2015 quy định các hình phạt đối với cá nhân người phạm tội không có gì thay đổi so với quy định tại Điều 28 BLHS năm 1999. Các hình phạt chính như: Cảnh cáo; phạt tiền; cải tạo không giam giữ; trục xuất; tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình; các hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế, tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính; trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính [20]. Nếu BLHS năm 1999 có 261 điều luật quy định về tội phạm và hình phạt, trong đó có 183 điều luật quy định về hình phạt bổ sung thì BLHS năm 2015 có 317 điều luật quy định về tội phạm và hình phạt và trong đó có đến 240 điều luật quy định về hình phạt bổ sung. Điều này cho thấy quy định về hình phạt bổ sung trong BLHS năm 2015 tăng đáng kể so với BLHS năm 1999 và điều này hoàn toàn phù hợp với Hiến pháp năm 2013.

Các hình phạt bổ sung như: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc là công việc nhất định (Điều 41), cấm cư trú (Điều 42), quản chế (Điều 43), tước một số quyền công dân (Điều 44) được giữ nguyên tinh thần của các hình phạt này của BLHS năm 1999 và chỉ sửa về mặt kỹ thuật (thay các chữ một năm đến năm năm bằng số 01 năm đến 05 năm).

Riêng đối với một số hình phạt bổ sung như phạt tiền, trục xuất, tịch thu tài sản có một số đổi mới cơ bản như sau:

- Hình Phạt tiền được quy định tại Điều 35 BLHS năm 2015: Quy định về phạt tiền có sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính.

Chẳng hạn: Chế tài đối với tội phạm về chức vụ quy định tại BLHS năm 1999 tương đối nghiêm khắc, loại hình phạt chủ yếu là tù, chỉ đối với 05 tội phạm có quy định hình phạt cải tạo không giam giữ (các tội phạm quy định tại các Điều 281, 285, 286, 287 và 288). Tuy nhiên, nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng về tăng cường tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội, giảm khả năng áp dụng hình phạt tù, mở rộng khả năng áp dụng các hình phạt không tước tự do, tạo điều kiện thuận lợi cho Tòa án linh hoạt xem xét áp dụng hình phạt phù hợp đối với một số trường hợp phạm tội chức vụ ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, BLHS năm 2015 đã bổ sung quy định hình phạt tiền là hình phạt chính đối với 02 tội danh, đó là tội đưa hối lộ (khoản 1 Điều 364) và tội môi giới hối lộ (khoản 1 Điều 365).

Hoặc tại tại Chương XVIII quy định về nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế hình phạt tiền vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung; tuy nhiên hình phạt tiền được áp dụng một cách có chọn lọc, phân hóa xử lý.

Như vậy, hình phạt tiền là hình phạt chính không chỉ được áp dụng đối với người phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác do Bộ luật này quy định mà đã được mở rất rộng trong việc áp dụng đối với tất cả các tội ít nghiêm trọng, tội nghiêm trọng; tội rất nghiêm trọng trong lĩnh vực quản lý kinh tế, môi trường, trật

tự công cộng, an toàn công cộng và một số tội phạm khác do BLHS quy định và còn được áp dụng là hình phạt bổ sung.

- Hình phạt Trục xuất được quy định tại Điều 37 BLHS năm 2015: Hình phạt trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung tạo ra sự linh hoạt trong áp dụng của Tòa án đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Trong những năm qua, đã có rất nhiều vụ án do người nước ngoài phạm tội được Tòa án xét xử nghiêm minh. Một số người nước ngoài đã bị Tòa án phạt tù giam, tù chung thân hoặc tử hình. Những trường hợp bị phạt tù đều bị Tòa án áp dụng hình phạt bổ sung là trục xuất sau khi đã chấp hành xong hình phạt tù. BLHS năm 2015 đã giữ nguyên quy định về hình phạt trục xuất.

- Hình phạt Tịch thu tài sản được quy định tại Điều 45 BLHS năm 2015: "Tịch thu tài sản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án để nộp vào ngân sách nhà nước". Tài sản của người bị kết án bị Tòa án quyết định tịch thu một phần hoặc toàn bộ là tài sản không liên quan đến tội phạm. Nếu các tài sản của người bị kết án có liên quan đến tội phạm thì bị tịch thu theo quy định của Điều 47 BLHS 2015 và đó là việc Tòa án áp dụng biện pháp tư pháp chứ không phải là áp dụng hình phạt bổ sung. Điểm mới của điều luật này là quy định cụ thể "Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật này quy định". Như vậy, điều luật đã thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tịch thu tài sản. Tòa án chỉ áp dụng hình phạt này khi xét xử các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về ma túy, tội phạm về tham nhũng hoặc các tội phạm mà trong điều luật đó có quy định được áp dụng hình phạt tịch thu tài sản.

Đặc biệt, Bộ luật hình sự năm 2015 có sự đổi mới cơ bản là quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân (Điều 33 của Bộ luật hình sự 2015). Bên cạnh các hình phạt chính đối với pháp nhân thương mại phạm tội như: phạt tiền; đình chỉ

hoạt động có thời hạn; đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, Bộ luật còn quy định một số hình phạt Cấm huy động vốn; phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính.

Ngoài ra, trong Phần các tội phạm BLHS năm 2015 còn có những đổi mới khác như như tăng mức tiền phạt, giảm hình phạt tù theo định hướng cải cách tư pháp; trong 313 tội danh thì có đến 455 khung hình phạt quy định hình phạt tiền (là hình phạt chính lẫn hình phạt bổ sung) so với BLHS hiện hành chỉ có 201 tội danh; mức phạt tiền tăng cụ thể như: cá nhân cao nhất là 5 tỷ đồng; pháp nhân cao nhất là 20 tỷ đồng.

2.2. Thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung tại tỉnh Long An

Tỉnh Long An có vị trí địa lý tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Tây Ninh về phía Đông, giáp với Vương Quốc Campuchia về phía Bắc, giáp với tỉnh Đồng Tháp về phía Tây và giáp tỉnh Tiền Giang về phía Nam. Với địa bàn hoạt động là một trong những tỉnh kinh tế trọng điểm phía Nam, trên địa bàn có 19 khu công nghiệp và hàng nghìn doanh nghiệp đang hoạt động nên thu hút một lượng lớn dân nhập cư từ các tỉnh đổ về làm việc và sinh sống, tạo nên các quan hệ xã hội rất phức tạp, đa dạng, nên lượng án phát sinh mỗi năm đều tăng, đặc biệt là các nhóm tội phạm về ma túy, tội xâm phạm an toàn công cộng, tội xâm phạm sở hữu là thách thức lớn cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân khi cân nhắc quyết định hình phạt nói chung, hình phạt bổ sung nói riêng.

Quyết định hình phạt là hoạt động tư duy của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân ngay sau khi đã xác định tội danh đối với hành vi phạm tội, nếu định tội là tiền đề, cơ sở cho việc quyết định hình phạt, thì quyết định hình phạt là kết quả cuối cùng và có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án [11, tr. 165].

Hình phạt nói chung và các hình phạt bổ sung nói riêng vừa là nội dung, vừa là phương tiện của chính sách hình sự của Nhà nước, bảo đảm cho Luật hình sự có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, chống mọi hành vi phạm tội; đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, HPBS tuy không có ý nghĩa quyết định như hình phạt chính, nhưng trong giới hạn tác động nó đã phát huy được vai trò tích cực là một bộ phận cấu thành không thể thiếu trong hệ thống các biện pháp tác động của Nhà nước và xã hội đến tội phạm. Việc quy định các HPBS bên cạnh các HPC trong hệ thống hình phạt góp phần làm đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự trong hoạt động đấu tranh phòng và chống tội phạm, giúp cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với hành vi phạm tội ở mức cao nhất, đồng thời đảm bảo tính thống nhất, công bằng trong thực tiễn xét xử của Tòa án các cấp. Chính vì thế, để có cơ sở thực tiễn đánh giá một cách toàn diện những ưu điểm cũng như tồn tại, hạn chế của chế định HPBS trong PLHS, và đề xuất những giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện chế định này thì cần thiết phải nghiên cứu, đánh giá tình hình áp dụng nó trong thực tiễn xét xử của Tòa án các cấp.

Trong khoảng thời gian từ năm 2010 – 2015, Toà án nhân dân hai cấp tỉnh Long An có nhiều nổ lực nâng cao chất lượng xét xử nhằm giải quyết tốt các vụ án hình sự (đảm bảo thời hạn xét xử; số lượng các bản án, quyết định của Toà án có sai phạm và số người bị kết án oan ngày càng giảm mạnh; công tác tổng kết đánh giá, hướng dẫn nghiệp vụ xét xử được chú trọng và tăng cường hơn; trình độ nghiệp vụ, chuyên môn, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ ngành Toà án nói chung tiếp tục được củng cố và nâng cao; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của Toà án ngày càng được cải thiện ...). Nhiều vụ án lớn, tính chất phức tạp trong 05 năm qua đã được ngành Toà án nhân dân tỉnh Long An đưa ra xét xử đúng thời hạn, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đáp ứng được đòi hỏi chung của toàn xã hội, áp dụng đúng quy định của BLHS và BLTTHS để xét xử đúng người, đúng tội, hạn chế đến mức thấp nhất việc xét xử oan và bỏ lọt tội phạm.

Những số liệu chúng tôi sử dụng để đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung tại tỉnh Long An bao gồm: số liệu thống kê án hình sự xét xử sơ thẩm của ngành Tòa án tỉnh Long An; số liệu cụ thể của một số Tòa án cấp huyện (Phụ lục 1); số liệu thống kê tình hình áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Long An; các báo cáo công tác của ngành Tòa án hai cấp tỉnh Long An từ năm 2010 đến năm 2015;

150 bản án hình sự sơ thẩm của một số Tòa án cấp huyện và Tòa án nhân dân tỉnh Long An (Phụ lục 2). Từ các nguồn tư liệu, số liệu này, bản thân tiến hành phân tích, đánh giá, so sánh thực trạng áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Long An, nhưng chủ yếu vẫn dựa vào các bảng số liệu thống kê từ năm 2010 đến 2015 và các báo cáo của ngành Tòa án tỉnh Long An về công tác xét xử hình sự hàng năm của ngành Tòa án.

Như vậy, với số liệu thống kê tình hình áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Long An cũng như 150 bản án thu thập được của một số Tòa án cấp huyện và Tòa án cấp tỉnh sẽ cho phép đánh giá thực chất tình hình áp dụng các HPBS của các tòa tại tỉnh Long An. Từ đó đưa ra được những đánh giá, kết luận về khuynh hướng, chính sách áp dụng HPBS tại các Tòa án trong thực tiễn xét xử.

2.2.1. Kết quả áp dụng hình phạt bổ sung của Toà án hai cấp tỉnh Long An

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về tình hình xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự từ năm 2010 đến năm 2015, số lượng án đã xét xử sơ thẩm là 5.868 vụ án với 9.221 bị cáo. Trung bình mỗi năm xét xử hơn 1.173 vụ án và 1.844 bị cáo.

Còn về tình hình áp dụng HPBS từ năm 2010 đến năm 2015, số liệu thống kê của TAND tỉnh Long An cho thấy như sau:

STT	Năm	Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	Số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm	Số bị cáo bị áp dụng HPBS
1	2010	817	1.322	9
2	2011	1.002	1.307	7
3	2012	1.003	1.594	15
4	2013	1.078	1.491	16
5	2014	942	1.574	10
6	2015	1.026	1.930	24
7	2016	912	1.454	8
Tổng số		**5.868**	**9.221**	**81**

Bảng 2.1 Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung.. Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Long An

Theo Bảng số liệu trên, từ năm 2010 đến năm 2015 Tòa án hai cấp tỉnh Long An đã áp dụng các loại HPBS đối với 81 lượt bị cáo. Trong đó, năm 2015 có số lượng bị cáo bị áp dụng HPBS nhiều nhất là 24 bị cáo, năm 2011 có số lượng bị cáo bị áp dụng HPBS thấp nhất là 07 bị cáo.

Qua kết quả phân tích số liệu ở trên, thấy rằng tỷ lệ số bị cáo bị áp dụng HPBS theo quy định của BLHS 1999 có xu hướng tăng lên hàng năm, điều đó cho thấy tầm quan trọng của HPBS ngày càng được các Thẩm phán áp dụng trong công tác xét xử do hiệu quả của HPBS mang lại trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm cũng như mục đích của hình phạt được đảm bảo.

Mặt khác, tình hình áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Long An đối với các nhóm tội phạm cụ thể từ năm 2010 đến 2015 được thể hiện ở số liệu thống kê sau:

STT	**Các nhóm tội trong BLHS**	**Số vụ án đã xét xử**	**Số bị cáo đã xét xử**	**Số bị cáo bị áp dụng HPBS**
1	Các tội phạm về ma túy (chương XVIII)	457	605	17
2	Các tội xâm phạm an toàn công cộng…(chương XIX)	2.396	3.499	55
4	Các tội xâm phạm sở hữu… (chương XIV)	1.487	2.854	9
Tổng cộng	**03 nhóm tội**	**4.340**	**6.958**	**81**

Bảng 2.2. Nhóm các tội được áp dụng hình phạt bổ sung. Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Long An

Như vậy, theo số liệu thống kê của TAND tỉnh Long An về số lượng bị cáo theo từng nhóm tội phạm bị xét xử sơ thẩm từ năm 2010 đến 2015, cho thấy: trong ba nhóm tội được xem xét thì số lượt áp dụng hình phạt bổ sung đối với nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm ưu thế, tiếp theo là các tội xâm phạm về ma túy, các tội xâm phạm sở hữu. Điều đó cho thấy khi xét xử các Thẩm phán đã cân nhắc tính chất mức độ của nhóm tội phạm và tình hình của địa phương trong quyết định hình phạt.

Để đánh giá toàn diện về tình hình áp dụng HPBS của các Tòa án các cấp trên địa bàn tỉnh Long An trong thời gian qua, bên cạnh việc thống kê số liệu về thực trạng xét xử và thực trạng áp dụng HPBS đối với từng nhóm tội phạm cụ thể, luận văn đề cập đánh giá thêm việc áp dụng những loại HPBS cụ thể đối với các bị cáo, trên cơ sở đó tìm ra những nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong việc quyết định HPBS của các Tòa án để đề xuất những kiến nghị và giải pháp khắc phục. Điều này được thể hiện ở số liệu cụ thể từ năm 2010 đến 2015 như sau:

STT	**Loại HPBS**	**Số bị cáo áp dụng HPBS**
1	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	2
2	Cấm cư trú	0
3	Quản chế	2
4	Tước một số quyền công dân	0
5	Tịch thu tài sản	7
6	Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;	70
7	Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính	0
Tổng cộng	**07 HPBS**	**81**

Bảng 2.3. Loại hình phạt bổ sung được áp dụng. Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Long An

Qua số liệu thống kê trên cho thấy rằng, trong 05 năm từ 2010 đến 2015, trong tổng số 9.221 bị cáo bị xét xử chỉ có 81 bị cáo Tòa án áp dụng HPBS. Trong

đó hình phạt tiền bổ sung được áp dụng chiếm tỷ trọng cao nhất so với các loại HPBS khác và gần như tuyệt đối (chiếm 86,4%). Mặc dù vậy, nhưng khi tiến hành nghiên cứu, phân tích nội dung 51/150 bản án của Tòa án hai cấp tỉnh Long An có áp dụng phạt tiền là HPBS đối với các bị cáo thấy rằng:

Hình phạt tiền bổ sung so với các hình phạt khác được Tòa án các cấp áp dụng phổ biến, nhưng vẫn còn hạn chế. Lý do là có nhiều trường hợp nên áp dụng hình phạt này nhưng các Tòa án đã bỏ qua.

Ví dụ: Bản án số 54/2012/HSST ngày 21/7/2012 của Tòa án huyện B, tỉnh L đã xử phạt các bị cáo H: 05 năm tù giam, bị cáo V: 03 năm tù, bị cáo L: 02 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 2 Điều 136 BLHS. Trong vụ án này, H, V, L đã phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần, thủ đoạn nguy hiểm, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lớn (300.000.000đồng). Với những tình tiết như trên, đáng ra, Tòa án huyện B cần phải áp dụng hình phạt tiền bổ sung với các bị cáo theo khoản 5 Điều 136 BLHS mới đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, phòng ngừa sự tái phạm của các bị cáo.

Hơn nữa, trong thực tiễn xét xử, khi quyết định hình phạt, một số HĐXX thường chỉ chú trọng vào việc cá thể hóa HPC, còn đối với HPBS nói chung và phạt tiền nói riêng lại ít coi trọng, chưa đảm bảo nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt tiền.

Ví dụ: Bản án số 80/2010/HSST ngày 29/8/2010 của Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên phạt 02 năm tù giam đối với M về tội "Tổ chức đánh bạc" theo Điều 248 và 01 năm tù về tội "Đánh bạc" theo Điều 249 BLHS, còn các bị cáo L, C, N bị Tòa án tuyên 03 năm tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc theo Điều 248 BLHS. Tòa án huyện C còn phạt các bị cáo M, L, C, N số tiền 5 triệu đồng để sung công quỹ nhà nước. Trong khi, bản án số 79/2011/HSST ngày 17/4/2011 cũng của Tòa án này, đã phạt C 01 năm tù giam về tội Tổ chức đánh bạc và 06 tháng tù về tội Đánh bạc, nhưng Tòa án lại phạt bị cáo C cũng 5 triệu đồng để sung công quỹ nhà nước. Cũng ví dụ trên còn cho thấy rằng đối với M nếu hình phạt tiền được áp dụng cho cả hai tội thì Tòa án phải quyết định hình phạt này đối với từng tội sau đó tổng hợp hình

phạt chung. Và hình phạt tiền chung áp dụng với bị cáo M trong trường hợp vụ án này tối thiểu là 10 triệu đồng. Còn nếu Tòa án chỉ xem xét cân nhắc áp dụng hình phạt tiền cho một tội thì phải quyết định rõ nó được áp dụng cho tội nào: tổ chức đánh bạc hay đánh bạc, bản án không thể tuyên áp dụng chung chung cho các tội như vậy. HPBS áp dụng đi kèm theo hình phạt chính của từng tội cụ thể. Theo cách tuyên trên dẫn đến sự hiểu sai là phạt tiền là HPBS được áp dụng với cả hai tội. Và nếu là như vậy thì dẫn đến mức phạt tiền là thấp hơn mức thấp nhất của hình phạt này mà hai điều luật quy định.

Với một vài ví dụ trên cho thấy đây là những lý do dẫn đến nhiều bản án phạt tiền không khả thi khi đưa ra thi hành trong thực tiễn.

Theo số liệu thống kê của một nhà nghiên cứu đã công bố thì tính đến thời điểm năm 2007 có trên 57.000 vụ với số tiền trên 4.900 tỷ đồng không thi hành được vì người phải thi hành đang chấp hành hình phạt tù hoặc không có tài sản" [14].

Qua bản thống kê số liệu trên của Tòa án hai cấp tỉnh Long An còn cho thấy rằng trong số 81 bị cáo bị áp dụng HPBS có 07 trường hợp bị áp dụng HPBS là tịch thu tài sản và chủ yếu thuộc nhóm các tội phạm về ma túy. Thực tiễn cho thấy việc áp dụng hình phạt này những năm gần đây có tăng về số lượng và tỷ lệ bị cáo bị áp dụng, so với các năm trước khi áp dụng BLHS năm 1999. Tuy nhiên, tỷ lệ áp dụng hình phạt này trong thực tiễn xét xử của các Tòa án hai cấp trên địa bàn tỉnh vẫn còn rất thấp và rất ít được áp dụng.

Nghiên cứu 150 bản án của Tòa án địa phương cho thấy đa số các bản án đều áp dụng Điều 41 BLHS để tịch thu vật, tài sản liên quan đến tội phạm với tính cách là biện pháp tư pháp. Nhưng cũng một số bản án chưa nêu rõ việc tịch thu vật, tiền bạc là biện pháp tư pháp hay là hình phạt tịch thu tài sản, điều này gây khó khăn cho việc thi hành án sau này, và dẫn đến tình trạng thống kê tình hình áp dụng hình phạt tịch thu tài sản của Tòa án chưa chính xác.

Đối với 81 bị cáo mà Tòa án áp dụng HPBS thì cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định có 02 bị cáo, hình phạt quản chế có 02

bị cáo bị áp dụng. Cụ thể hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định cả 02 trường hợp đều được áp dụng đối với tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ được quy định tại Điều 202 BLHS hiện hành. Còn đối với hình phạt quản chế có 01 trường hợp được áp dụng đối với tội Mua bán trái phép chất ma túy và 01 trường hợp đối với tội Lưu hành tiền giả. Từ kết quả khảo sát, phân tích tình hình áp dụng hình phạt đang nghiên cứu với kết quả phân tích số liệu của TAND tỉnh Long An cho thấy tỷ lệ áp dụng hai loại HPBS này trên tổng số bị cáo bị xét xử và số bị cáo bị áp dụng HPBS nói chung là rất thấp, mặc dù các quy định của hình phạt này trong các chế tài Phần các tội phạm BLHS là rất cao.

Trong tổng số 150 bản án chúng tôi sưu tầm, thấy chỉ có 01 bản án áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định và được áp dụng đối với tội vi phạm quy định an toàn giao thông đường bộ, cụ thể: H làm tài xế xe cho cửa hàng vậy liệu xây dựng P với mức lương 3.00.000đ/tháng và được hưởng 15% doanh thu. H được cửa hàng giao chiếc xe tải KIA để chở cát đá. Trong khi vận chuyển H đã cho xe vượt qua xe chạy trước cùng chiều lấn sang lề trái gây tai nạn cho xe mô tô cùng chiều làm ông S chở con là D ngồi sau xe cùng chết. Lỗi của vụ tai nạn giao thông này hoàn toàn thuộc về bị cáo H. Bản án số 92/2013/HSST ngày 15/6/2013 của Tòa án huyện C xử phạt bị cáo H 4 năm tù giam về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ và áp dụng hình phạt cấm hành nghề lái xe đối với bị cáo này trong thời gian 12 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, khi nghiên cứu một bản án khác của Tòa án huyện Đ tỉnh L có tình tiết tương tự nhưng lại không áp dụng hình phạt bổ sung này. Chính vì thiếu thống nhất trong áp dụng hình phạt này đã làm cho HPBS chưa được áp dụng phổ biến trong thực tiễn xét xử.

Trong số 150 bản án của các Tòa án địa phương cho thấy có 01 bản án có áp dụng hình phạt quản chế. Như vậy, có thể thấy, tương tự như hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì hình phạt này được áp dụng rất hạn chế trong khi số điều luật quy định tương đối nhiều.

Đối với một số hình phạt bổ sung còn lại như: Tước một số quyền công dân, cấm cư trú, trục xuất thì qua số liệu thống kê thu thập được thể hiện Tòa án hai cấp tỉnh Long An không áp dụng các HPBS này. Tuy nhiên, việc không áp dụng có nhiều lý do nhưng chủ yếu là các hình phạt này tập trung vào một số nhóm tội đặc thù như: xâm phạm an ninh quốc gia, tội phạm về chức vụ, …Và do tình hình an ninh trật tự tại địa phương không có loại tội phạm này nên Tòa án không xem xét áp dụng.

2.2.2. Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn áp dụng và nguyên nhân

Trên cơ sở đánh giá kết quả áp dụng các loại HPBS tại địa phương, đồng thời nghiên cứu các vấn đề lý luận về HPBS cũng như qua số liệu thống kê của TAND tỉnh Long An cho thấy, mặc dù những năm gần đây TAND hai cấp tỉnh Long An đã chú trọng hơn đến việc áp dụng hình phạt bổ sung khi quyết định hình phạt trong những trường hợp được cân nhắc, lựa chọn áp dụng. Tuy nhiên, các Tòa án mới chỉ dừng lại ở việc lựa chọn án phạt tiền là chủ yếu còn việc sử dụng các loại hình phạt bổ sung khác rất hạn chế. Xuất phát từ việc BLHS chưa hoàn thiện về mặt hình thức cho các quy định HPBS [13]. Chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý đầy đủ về khái niệm pháp lý của HPBS, chưa quy định cụ thể về nội dung cưỡng chế, phạm vi và điều kiện áp dụng đối với từng loại HPBS, chưa có quy định về việc áp dụng các chế định miễn, giảm hình phạt, quyết định hình phạt trong trường hợp khác loại, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của luật đối với các loại HPBS, quy định cho việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung nhiều hơn so với các loại hình phạt bổ sung khác nên HPBS chưa phát huy được tác dụng như mong muốn của các nhà làm luật. Từ đây cho thấy việc áp dụng HPBS trên thực tiễn có một số bất cập, hạn chế như sau:

- Một số quy định về HPBS mang tính chất tùy nghi nên Toà án cũng được quyền tùy nghi áp dụng khi quyết định hình phạt, dẫn đến tình trạng áp dụng không đồng bộ, không đảm bảo công bằng, số bị cáo bị áp dụng HPBS là rất thấp, mặc dù hình phạt này được quy định trong các chế tài Phần các tội phạm BLHS tương đối nhiều.

Ví dụ: HPBS cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định luật quy định hình phạt này có thể được áp dụng kèm theo hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Nhưng trong thực tiễn xét xử của Toà án cho thấy, hình phạt này thường được áp dụng kèm theo hình phạt tù có thời hạn hoặc trường hợp được hưởng án treo. Trong khi cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định về bản chất là HPBS chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt chính mà không phải là hình phạt kèm theo án treo với tư cách là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện.

Đối với một số loại tội phạm BLHS hiện hành quy định tùy nghi áp dụng loại hình phạt đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định, nhưng trong tình hình hiện nay do tính chất rất nguy hiểm của loại tội phạm đó nên cần quy định theo hướng áp dụng bắt buộc, ví dụ như đối với Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157) hoặc đối với Tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ (Điều 169)... Điều này đã được khắc phục trong BLHS năm 2015.

Và trong số 38 điều luật về tội phạm và hình phạt có quy định hình phạt tịch thu tài sản, chỉ có Điều 140 BLHS quy định có tính chất bắt buộc áp dụng hình phạt này đối với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Trong khi đó, nhiều tội phạm cùng loại (như Tội cướp tài sản, Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tải sản...) có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao hơn nhiều so với Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, nhưng điều luật về tội phạm ấy chỉ quy định tuỳ nghi áp dụng hình phạt này. Như vậy, ở đây không có sự công bằng trong phân hoá TNHS.

Trong BLHS hiện hành hình phạt tiền bổ sung được quy định ở dạng tuỳ nghi áp dụng, chính điều này là lý do dẫn đến mức độ áp dụng loại hình phạt này trong thực tiễn xét xử còn hạn chế, chưa đáp ứng được mong muốn của nhà lập pháp. Đồng thời mức phạt tiền luật quy định đối với nhiều tội phạm, nhất là với nhóm tội phạm về ma tuý còn rất cao so với hoàn cảnh điều kiện kinh tế của bị cáo, dẫn đến hình phạt này không khả thi trong thi hành.

- Một số HPBS được quy định ở phần chung, tuy nhiên tại Phần các tội phạm cụ thể nhà làm luật lại chỉ quy định áp dụng cho một nhóm tội cụ thể gây khó khăn cho việc áp dụng hình phạt này vào thực tiễn.

Ví dụ: hình phạt tước một số quyền công dân được áp dụng với công dân Việt Nam bị kết án phạt tù về các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội phạm khác trong những trường hợp do BLHS quy định. Tuy nhiên, trong Phần các tội phạm cụ thể, nhà làm luật chỉ quy định HPBS này đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia ở Chương XI, mà không có quy định hình phạt này cho các tội phạm trong các chương khác Phần các tội phạm cụ thể. Như vậy, ở đây chưa có sự đồng bộ giữa quy định Phần chung và Phần các tội phạm cụ thể trong BLHS, gây khó khăn cho các Toà án khi xét xử.

Và tại Điều 32 quy định là trục xuất được áp dụng với tính chất là HPC hoặc HPBS trong từng trường hợp cụ thể còn trong Phần các tội phạm của BLHS lại không có điều luật nào về tội phạm có quy định hình phạt này với tính chất là HPC hoặc HPBS. Vì vậy, trong thực tiễn xét xử, chưa có cách hiểu thống nhất là trục xuất được áp dụng đối với loại tội phạm nào? Và khi nào áp dụng trục xuất là HPC? Khi nào áp dụng nó là HPBS? Nếu là HPBS thì trục xuất có thể áp dụng kèm theo HPC nào? Sau thời gian bao lâu thì người bị trục xuất có thể được nhập cảnh vào Việt Nam…

Phạt tiền là HPBS được áp dụng trước hết là đối với người bị kết án về các tội tham nhũng, ma tuý. Tuy nhiên, loại hình phạt này trong thực tiễn pháp luật và thực tế xét xử không chỉ được quy định áp dụng với các tội phạm trên mà còn chủ yếu được áp dụng đối với các tội có tính chất vụ lợi, các tội dùng tiền làm phương tiện hoạt động. Như vậy, hình phạt này cần phải được qui định có tính chất phổ biến không chỉ đối với các tội tham nhũng, ma túy mà còn với các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, tội phạm về môi trường, các tội xâm phạm trật tự công cộng, điều này cũng đã thể hiện rất rõ trong phần các tội phạm của BLHS.

- BLHS hiện hành quy định phạm vi áp dụng đối với những loại tội phạm nhất định về HPBS; tuy nhiên, còn những loại HPBS khác nhà làm luật lại không quy định như vậy.

Ví dụ: các hình phạt bổ sung khác như quản chế (Điều 38), tước một số quyền công dân (Điều 39), tịch thu tài sản (Điều 40) hay là phạt tiền (Điều 30) đều quy định phạm vi áp dụng đối với những loại tội phạm nhất định; nhưng đối với hình phạt cấm cư trú, nhà làm luật không có quy định cụ thể như vậy gây khó khăn cho việc áp dụng loại hình phạt này trong thực tiễn xét xử của Tòa án.

Hoặc tại Điều 32 BLHS, chỉ quy định nội dung của hình phạt trục xuất là buộc người bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và đối tượng áp dụng hình phạt này là người nước ngoài phạm tội mà điều luật này không quy định cụ thể về điều kiện, phạm vi áp dụng hình phạt trục xuất.

- Một số quy định của BLHS hiện hành không quy định rõ HPBS được áp dụng với những hình phạt chính nào dẫn đến tình trạng có nhiều cách hiểu khác nhau và HPBS đều có thể áp dụng kèm theo mọi hình phạt chính từ cảnh cáo đến tử hình.

Ví dụ: Điều 30 BLHS không quy định rõ phạt tiền là HPBS được áp dụng kèm theo những HPC nào nên dẫn đến cách hiểu là nó có thể được áp dụng đối với mọi HPC, bao gồm từ cảnh cáo đến tử hình được quy định trong BLHS năm 1999. Trong khi đó thực tiễn xét xử cho thấy, tuyệt đa số các trường hợp hình phạt tiền bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt tù, phạt tù cho hưởng án treo hoặc tù chung thân, tử hình.

HPBS tịch thu tài sản là một HPBS nghiêm khắc so với các hình phạt chính không tước quyền tự do. Nhưng theo quy định tại Điều 40 BLHS, loại hình phạt này có thể được áp dụng kèm theo mọi loại hình phạt chính, trừ hình phạt cảnh cáo. Luật quy định phạm vi áp dụng hình phạt này như vậy là quá rộng và rất không tương hợp với tính chất nghiêm khắc của hình phạt chính mà nó được áp dụng kèm theo. Mặt khác, thực tiễn xét xử đã cho thấy, hình phạt này trong mọi trường hợp,

chỉ được các Toà án áp dụng bổ sung kèm theo hình phạt tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình mà thôi.

- Đặc biệt do đặc thù của việc áp dụng các HPC và HPBS xuất phát từ sự phong phú và đa dạng của hình phạt cũng như pháp luật quy định quyền tùy nghi áp dụng của Tòa án khiến cho việc áp dụng pháp luật chịu sự tác động rất lớn của các yếu tố chủ quan như vấn đề năng lực nghiệp vụ chuyên môn, ý thức pháp luật, chế độ trách nhiệm nghề nghiệp của các cán bộ thực thi pháp luật.

Thực tế hiện nay, đội ngũ Thẩm phán có sự thiếu hụt rất lớn, nhất là ở các Tòa án cấp huyện. Với tình trạng thiếu Thẩm phán xét xử nhiều như vậy cùng với tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có chiều hướng tăng mạnh, số lượng các loại vụ án mà ngành Tòa án phải giải quyết hàng năm rất lớn, làm cho công việc của các Tòa án các cấp ngày càng quá tải, áp lực công việc ngày càng tăng. Trong khi điều kiện, phương tiện làm việc của các Tòa án còn nhiều thiếu thốn, chế độ chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức ngành Tòa án nhìn chung còn rất hạn hẹp, chưa thực sự tương xứng với tính chất đặc thù của hoạt động xét xử của Tòa án, đời sống của cán bộ thực thi pháp luật còn rất khốn khó, nhất là trong tình hình lạm phát, khó khăn về kinh tế như hiện nay đã và đang ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp về trình độ và ý thức pháp luật của đội ngũ Thẩm phán. Ngoài ra, khi xét xử sơ thẩm các loại án đều có sự tham gia của Hội thẩm nhân dân. Tuy nhiên, kiến thức pháp luật của một số Hội thẩm nhân dân cũng chưa được cao như mong muốn, nên cũng ảnh hưởng đến chất lượng xét xử và áp dụng hình phạt. Chính những điều này phần nào đã làm giảm hiệu quả của việc áp dụng pháp luật, trong đó có HPBS.

Như vậy, trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện công cuộc cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 08 ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/04/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, đòi hỏi phải có giải pháp khắc phục những tồn tại và hạn chế trên của chế

định HPBS trong BLHS hiện hành nhằm tiếp tục hoàn thiện chế định này, góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng nó trong thực tiễn.

Đặc biệt với sự ra đời của BLHS năm 2015, với những quy định đầy đủ hơn, đã khắc phục được những hạn chế của BLHS hiện hành, hy vọng các loại hình phạt bổ sung sẽ được Tòa án các cấp áp dụng ngày càng phổ biến hơn để HPBS phát huy được tác dụng như mong muốn của của nhà làm luật, đảm bảo được mục đích của hình phạt, đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Kết luận chương 2

Qua việc nghiên cứu hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự hiện hành và thực tiễn áp dụng ở tỉnh Long An thấy rằng:

Nhìn chung, chế định HPBS trong pháp luật hiện hành đã có sự kế thừa và hoàn thiện hơn trước, cụ thể như: có sự đa dạng hóa các loại HPBS với việc quy định thêm hình phạt trục xuất; nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng cũng như về kỹ thuật lập pháp đối với các quy định về từng loại HPBS đã được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện một cách đáng kể; mức độ sử dụng HPBS trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 đã có sự điều chỉnh tương đối hợp lý, nhất là hình phạt tiền. Những ưu điểm này của chế định HPBS trong PLHS của nước ta đã thể hiện một bước phát triển mới trong công tác xây dựng pháp luật.

Tuy vậy, chế định HPBS trong PLHS nước ta còn có những tồn tại, hạn chế đó là:

Một số HPBS, BLHS chưa đưa ra được định nghĩa pháp lý đầy đủ về khái niệm pháp lý của chúng, chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ về nội dung, giới hạn và điều kiện áp dụng đối với từng HPBS.

Chưa quy định rõ ràng, đầy đủ việc áp dụng các chế định miễn, giảm hình phạt, quyết định hình phạt trong trường hợp khác loại, quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định của luật đối với các loại HPBS.

Tỷ trọng của các HPBS được quy định trong Phần các tội phạm của BLHS vẫn còn thấp, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của loại hình phạt này, đặc biệt là hình phạt tiền.

Vấn đề năng lực nghiệp vụ chuyên môn, ý thức pháp luật, chế độ trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cũng là một trong những yếu tố quyết định tính đúng đắn và hiệu quả của hoạt động áp dụng HPBS.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG Ở VIỆT NAM

3.1. Chính sách hình sự của Nhà nước ta và yêu cầu hoàn thiện các quy định về hình phạt bổ sung và nâng cao hiệu quả áp dụng

Cuộc đấu tranh chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay ở Việt Nam là yêu cầu tất yếu của quá trình cải cách tư pháp xây dựng Nhà nước pháp quyền. Điều này thể hiện rõ trong các chính sách hình sự của Nhà nước ta.

Xét từ góc độ thực tiễn thời gian qua, pháp luật hình sự với tính chất là ngành luật chủ yếu nhất trong hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm vẫn còn tồn tại một số nhược điểm nhất định. Chưa đảm bảo được hiệu quả cao của việc áp dụng pháp luật hình sự nói chung và HPBS nói riêng. Bộ luật hình sự năm 1999 đã bộc lộ hạn chế, bất cập, gây khó khăn cho việc áp dụng các quy định của pháp luật hình sự trong đấu tranh, phòng, chống tội phạm. Nguyên nhân do tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội trong nước và thế giới có nhiều thay đổi so với bối cảnh khi xây dựng luật. Một số điều, khoản của HPBS chưa có quy định cụ thể, rõ ràng hoặc chưa có hướng dẫn thi hành cụ thể nên dẫn tới việc áp dụng chưa thống nhất đồng bộ; một số quy định giữa các điều luật còn mâu thuẫn, bất hợp lý khi thi hành; những vấn đề này đã được tổng kết đánh giá thông qua việc hoàn thiện các quy định của BLHS năm 2015.

Những yêu cầu về đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đã quyết định những thay đổi về chính sách hình sự nói chung và việc áp dụng hình phạt bổ sung nói riêng. Qua đó cho thấy được yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả áp dụng HPBS trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay ở Việt Nam.

Khi quy định các loại hình phạt khác nhau, thì bên cạnh việc cố gắng loại trừ các yếu tố trấn áp về hình sự ra, để tạo những điều kiện thuận lợi cho thực tiễn áp dụng của hoàn thiện PLHS nói chung và các quy định về HPBS nói riêng được đòi hỏi từ chính nhu cầu khách quan của cuộc sống cũng như của tiến trình vận động

phát triển của kinh tế-xã hội và là nhiệm vụ có tính tiền đề của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế, góp phần đảm bảo sự hợp lý giữa các quy định của PLHS với các điều ước quốc tế mà nước ta là thành viên hoặc đã ký và phê chuẩn, PLHS và chế định hình phạt phải có tính thống nhất, đồng bộ, ổn định, công khai, minh bạch, phù hợp với các chuẩn mực chung của pháp luật quốc tế. Điều này chỉ có được khi Nhà nước ta thực hiện những công việc cần thiết để tiếp tục hoàn thiện chế định hình phạt, trong đó có HPBS [15].

Bên cạnh đó, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN đòi hỏi phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách bộ máy Nhà nước, cải cách pháp luật, bảo đảm Nhà nước không ngừng vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, giải quyết đúng đắn các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, chủ động tích cực hội nhập quốc tế. Căn cứ vào những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền, có thể thấy nhiệm vụ cấp bách hàng đầu hiện nay là phải tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật và thực thi pháp luật nghiêm chỉnh, trong đó có PLHS. Những yêu cầu hoàn thiện các quy định về HPBS nhằm đáp ứng những đòi hỏi của Nhà nước pháp quyền và công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay là:

- Hoàn thiện các quy định về HPBS phù hợp chính sách hình sự hướng thiện, coi trọng tính phòng ngừa theo Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020;

- Hoàn thiện các quy định về HPBS phải được đặt trong tổng thể chiến lược kinh tế-xã hội, công cuộc cải cách tư pháp, cải cách bộ máy Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam;

- Hoàn thiện các quy định về HPBS phải được xây dựng trên nền tảng của các nguyên tắc pháp lý tiến bộ của nhân loại, như bình đẳng, công bằng, nhân đạo, dân chủ và vì con người;

- Hoàn thiện các quy định về HPBS phải đề cao vai trò của pháp luật, tuân thủ pháp luật trong đời sống xã hội;

- Hoàn thiện các quy định về HPBS phải bảo đảm chủ quyền của nhân dân; phải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền con người;

- Hoàn thiện các quy định về HPBS để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp và có xu hướng phát triển;

- Quá trình đổi mới, hoàn thiện PLHS nói chung và chế định HPBS nói riêng cần phải nghiên cứu, nhận thức, quán triệt sâu sắc hệ thống các quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm, để quá trình này đi đúng hướng và phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam;

- Việc xây dựng các quy định về HPBS trong pháp luật hình sự phải đảm bảo tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ và khả thi các chế định trong PLHS không tách rời nhau, luôn tồn tại trong một chỉnh thể thống nhất, tác động qua lại và bổ sung cho nhau. Đồng thời việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chế định của PLHS, trong đó có các quy định về HPBS cũng phải tiến hành hoàn thiện đồng bộ, thống nhất các pháp luật khác trong HTPL về đấu tranh phòng chống tội phạm của nước ta;

- Việc tiếp tục hoàn thiện PLHS nói chung và chế định HPBS nói riêng phải bảo đảm tính kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm lập pháp hình sự nước ngoài.

3.2. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về hình phạt bổ sung

3.2.1. Hoàn thiện các quy định phần chung Bộ luật hình sự

Qua nghiên cứu các vấn đề lý luận, phân tích các quy định của BLHS và đánh giá thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định phần chung của BLHS liên quan đến HPBS như sau:

- Về định nghĩa hình phạt: theo quy định tại Điều 26 BLHS đã đưa ra định nghĩa chung về hình phạt, nhưng định nghĩa này chưa khái quát và chưa chính xác cụ thể như việc dùng từ “nhằm" và thuật ngữ "biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất" vì thuật ngữ này đúng với tính chất của hình phạt chính còn đối với HPBS cần có sự điều chỉnh cho phù hợp hơn.

- Về mục đích của hình phạt: theo quy định tại Điều 27 BLHS nên sửa đổi để khẳng định là hình phạt không có mục đích trừng trị, trả thù mà chỉ nhằm giáo dục

cải tạo người phạm tội trở thành người có ích cho xã hội; giáo dục phòng ngừa chung.

- Về giảm thời hạn hoặc miễn hình phạt bổ sung: Điều 57 BLHS quy định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt "đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, chưa chấp hành hình phạt mà lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa", mà không có quy định cụ thể về việc miễn chấp hành đối với HPBS trong trường hợp HPBS chưa được chấp hành vì những lý do khác nhau. Và Điều 57 BLHS có quy định miễn chấp hành phần hình phạt còn lại đối với hình phạt cấm cư trú và quản chế trong trường hợp người bị kết án đã chấp hành được một nửa thời hạn hình phạt và cải tạo tốt, trong khi đó điều luật này không quy định việc miễn chấp hành phần hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định, tước một số quyền công dân và một số HPBS khác, mặc dù người bị kết án đáp ứng đầy đủ các điều kiện tương tự.

Do vậy, cần quy định áp dụng chế định miễn, giảm hình phạt đối với HPBS để đảm bảo sự đồng bộ trong việc quy định các trường hợp miễn, giảm hình phạt, không chỉ trong BLHS mà còn cả trong BLTTHS. Việc quy định này sẽ khuyến khích, động viên người bị kết án cải tạo tiến bộ.

- Cần sửa đổi các Điều 30, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40 theo hướng xác định rõ nội dung, phạm vi, điều kiện và thời hạn của các loại hình phạt này.

3.2.2. Hoàn thiện các chế tài phần các tội phạm Bộ luật hình sự

- Việc nhà làm luật quy định các HPBS ở khoản cuối cùng của mỗi điều luật trong Phần các tội phạm một cách chung chung như BLHS hiện hành làm cho có nhiều cách hiểu khác nhau khi áp dụng vào thực tiễn xét xử. Cụ thể: với quy định như hiện nay về HPBS có thể hiểu hình phạt bổ sung được áp dụng đối với tội phạm ở khung tăng nặng nhất hoặc hiểu là được áp dụng đối với mọi trường hợp phạm tội cụ thể, dù ở khung cơ bản hoặc khung tăng nặng nhất.

Điều này cho thấy rằng nhà làm luật chưa có sự phân hóa và cá thể hóa đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể, dẫn đến trong thực tiễn áp dụng sẽ có sự thiếu thống nhất, không công bằng. Do đó, cần quy định mức và loại HPBS cụ thể trong chế tài từng khung của mỗi điều luật quy định về tội phạm [33].

Bên cạnh đó trong một số điều luật quy định về hình phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân đều quy định loại hình phạt này được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù. Tuy nhiên, do việc quy định chưa cụ thể, rõ ràng nên có quan điểm cho rằng các hình phạt này không chỉ áp dụng với người bị phạt tù có thời hạn mà cả đối với người bị phạt tù chung thân nên cần bổ sung thêm cụm từ có thời hạn ngay sau cụm từ người bị kết án phạt tù và cụm từ chấp hành xong hình phạt tù trong những điều luật ở Phần chung BLHS quy định về những hình phạt đó.

- Thay cho Điều 92, cần quy định các HPBS trong chế tài từng điều luật quy định các tội xâm phạm ANQG để bảo đảm cá thể hóa và tính thống nhất về kỹ thuật của BLHS.

- Trong Phần các tội phạm BLHS cần quy định tùy nghi áp dụng hình phạt bổ sung đối với các tội phạm sau: Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 104), tội trốn thuế (Điều 161), tội lừa dối khách hàng (Điều 162), tội vi phạm các quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên (Điều 172), tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 197), tội chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy (Điều 198), tội vi phạm các quy định về sử dụng lao động trẻ em (Điều 228), tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250), tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy và tội chứa mại dâm (Điều 254), tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức (Điều 267). Riêng đối với tội buộc người lao động, cán bộ, công chức thôi việc trái pháp luật (Điều 128) cần quy định hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định.

Còn đối với các loại tội phạm như tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh (Điều 157); tội cố ý làm trái quy định về phân phối tiền, hàng cứu trợ (Điều 169); các tội phạm về ma túy quy định tại các điều 193, 194, 195 và 196 do bản chất rất nguy hiểm của loại tội này

nên cần phải chuyển từ quy định tùy nghi sang dạng quy định bắt buộc áp dụng loại hình phạt bổ sung.

- Cần mở rộng phạm vi áp dụng của hình phạt bổ sung cấm cư trú, quản chế và tước một số quyền công dân. Cụ thể:

+ Đối với những tội phạm mà điều luật về tội phạm đó có quy định hình phạt quản chế, cấm cư trú thì nên xem xét quy định thêm hình phạt tước một số quyền công dân ở các chương khác của Phần các tội phạm của BLHS để Tòa án lựa chọn áp dụng hình phạt. Đối với các tội phạm xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân cũng cần xem xét quy định thêm loại hình phạt này, như các tội quy định tại Điều 316 đến 318, 322 đến 326, 327 đến 334 Chương XXIII BLHS.

+ Đối với hình phạt cấm cư trú, quản chế nên quy định áp dụng đối với người bị phạt tù có thời hạn về tội xâm phạm ANQG, các tội xâm phạm sở hữu có tính chiếm đoạt, một số tội xâm phạm an toàn, trật tự công cộng và trật tự quản lý hành chính, các tội phạm về ma túy trong những trường hợp luật có quy định. Và đối tượng áp dụng cần được mở rộng là người tái phạm nguy hiểm hoặc phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

- Các hình phạt có tính chất kinh tế như phạt tiền, tịch thu tài sản cần sửa đổi theo hướng tăng mức phạt lên, cần mở rộng hơn nữa phạm vi các tội phạm được áp dụng hình phạt tiền với tính chất HPBS, hình phạt tịch thu tài sản nhằm đáp ứng kịp thời tình hình diễn biến của nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Việc tăng cường hình phạt tiền cũng là một đòi hỏi được Bộ Chính trị đặt ra trong Nghị quyết số 49 về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Cụ thể: cần mở rộng việc áp dụng Điều 40 theo hướng tịch thu tài sản là có tính chất bắt buộc đối với một số nhóm tội cụ thể, nhất là nhóm tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt, nhóm tội về tham nhũng, ma túy.

Hình phạt tiền với tính chất HPBS không chỉ được áp dụng đối với các loại tội phạm gây thiệt hại về vật chất, như: các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; các tội xâm phạm trật tự công cộng; các tội phạm tham nhũng, ma túy, mà cần thiết quy định hình phạt này

đối với cả các loại tội phạm khác gây thiệt hại về chính trị hoặc tinh thần. Và mở rộng khả năng áp dụng chế định miễn chấp hành hình phạt tiền hoặc giảm mức hình phạt tiền (cả với tư cách là HPC và HPBS) đối với những trường hợp thực tế không có khả năng thi hành hoặc có nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng kể.

3.3. Các giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt bổ sung ở Toà án hai cấp nhân dân tỉnh Long An

3.3.1. Tăng cường nhận thức thống nhất về hình phạt bổ sung

Để áp dụng đúng đắn quy định của pháp luật nói chung, các HPBS nói riêng, việc nhận thức đúng đắn, thống nhất quy định pháp luật là rất cần thiết. Cần có các giải pháp để các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân Tòa án các cấp nhận thức đúng đắn nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng mỗi loại hình phạt bổ sung; chế tài các quy định về tội phạm có hình phạt bổ sung.

Để đảm bảo có nhận thức thống nhất, các Tòa án cần áp dụng nhiều biện pháp khác nhau như cung cấp tài liệu; tổ chức tập huấn nghiệp vụ; tổ chức rút kinh nghiệm xét xử…

3.3.2. Hướng dẫn áp dụng thống nhất hình phạt bổ sung

Trong thời gian qua, mặc dù nhiều quy định của BLHS chưa được áp dụng thống nhất dẫn đến có nhiều vướng mắc trong thực tiễn áp dụng chưa có hướng dẫn của UBTVQH, hoặc nếu có hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì lại chậm, phần nào ảnh hưởng tới chất lượng giải quyết, xét xử các loại án của các Tòa án các cấp [30].

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật của các Tòa án tại địa phương, nhận thấy còn nhiều vướng mắc do có nhiều cách hiểu khác nhau liên quan đến chế định HPBS cần phải có sự giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền, đó là:

- Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 04/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999 quy định: "Chỉ trong trường hợp mà Điều 92 hoặc điều luật quy định về tội phạm và hình phạt của BLHS năm 1999 có quy định hình phạt bổ sung là quản

chế, thì mới được áp dụng loại hình phạt bổ sung này" [30], [29]. Điều này cho phép hiểu hướng dẫn này chỉ liên quan đến hình phạt quản chế mà không đề cập đến các HPBS khác nên gây khó khăn trong việc áp dụng các HPBS khác, dẫn đến việc áp dụng các loại HPBS khác trong nhiều trường hợp không đúng, không thống nhất. Cho nên, không chỉ đối với hình phạt quản chế mà đối với các HPBS khác, nếu điều luật về tội phạm và hình phạt trong Phần các tội phạm của BLHS không quy định HPBS nào đó thì Tòa án cũng được phép áp dụng nó. Vì thế, TANDTC cần phải hướng dẫn việc áp dụng HPBS theo hướng này.

- Liên quan đến việc áp dụng các hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân kèm theo hình phạt tù chung thân hoặc tử hình. Đây là vấn đề gây nhiều tranh luận trong khoa học LHS và cũng là vướng mắc nảy sinh trong thực tiễn áp dụng. Do vậy cần có sự điều chỉnh về vấn đề này từ TANDTC theo hướng không áp dụng các loại HPBS trên kèm theo hình phạt tù chung thân hoặc tử hình.

- Về việc áp dụng chế định miễn hình phạt theo Điều 54 BLHS. Chế định miễn hình phạt được áp dụng "trong trường hợp phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật này, đáng được khoan hồng đặc biệt, nhưng chưa đến mức được miễn trách nhiệm hình sự" (Điều 54). Theo quy định này được hiểu miễn hình phạt có thể được áp dụng đối với cả HPC và HPBS. Tuy nhiên, qua thực tiễn xét xử của các Tòa án cho thấy chế định này rất ít khi được áp dụng.

Để tránh tình trạng trên, TANDTC cần hướng dẫn Tòa án các cấp theo hướng áp dụng chế định miễn hình phạt đối với các trường hợp điều luật về tội phạm và hình phạt có quy định HPBS là bắt buộc. PGS. TS. Trần Văn Độ cũng đồng tình với quan điểm này và nhấn mạnh: Việc áp dụng chế định miễn hình phạt bổ sung khắc phục được sự bất hợp lý trong một số trường hợp phạm tội, khắc phục tình trạng Tòa án cố tình "quên" không áp dụng hình phạt bổ sung trong một số trường hợp. Việc Tòa án quyết định miễn hình phạt bổ sung trong một số trường

hợp phạm tội khi luật quy định bắt buộc áp dụng chúng là hoàn toàn có cơ sở pháp lý, không trái với quy định của Bộ luật hình sự [12].

3.3.3. Nâng cao trình độ, năng lực và trách nhiệm của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân

Khi đánh giá về việc thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, tại Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị đã có một số đánh giá về công tác cán bộ tư pháp trong đó nhấn mạnh những hạn chế, yếu kém của công tác này "vẫn còn một số cán bộ tư pháp phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng một bộ phận cán bộ tư pháp nhũng nhiễu, tiêu cực chưa giảm, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân vào chất lượng hoạt động tư pháp" [2].

Trong các hoạt động tư pháp, hoạt động xét xử của Tòa án chiếm vị trí trung tâm, giữ vai trò quan trọng nhất. Hoạt động này chủ yếu được tiến hành trên cơ sở tư duy của Thẩm phán - "là người có trách nhiệm cầm cân công lý, làm tôn trọng nguyên tắc hợp pháp trong xã hội", là người "phục công thủ pháp, chí công vô tư".

Trong những năm gần đây, đội ngũ Thẩm phán của Tòa án các cấp đã được bổ sung về mặt số lượng và đã nâng cao về mặt chất lượng nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đòi hỏi. Do đó, để công tác xét xử có thể đảm bảo phục vụ hiệu quả cho việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN, đảm bảo phát triển chính trị, văn hóa, xã hội, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng ngành Tòa án trong sạch vững mạnh, cần phải có sự quan tâm thích đáng đến công tác tổ chức, cán bộ. Đây là công tác có vai trò tối quan trọng làm cho việc định tội danh và quyết định hình phạt, trong đó có HPBS của Tòa án được toàn diện, triệt để, công bằng.

Để thực hiện yêu cầu trên, cần tăng cường về số lượng, tiêu chuẩn hóa đội ngũ cán bộ Thẩm phán theo hướng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị, đạo đức nghề nghiệp và ý thức pháp luật của đội ngũ này ở ngành Tòa án, nhất là ở Tòa án cấp quận, huyện. Cần phải xây dựng kế hoạch cụ thể trong việc

đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng về các mặt chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị để nâng cao năng lực của đội ngũ Thẩm phán. Đồng thời TANDTC cũng nên thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, các cuộc hội thảo, các hội nghị chuyên đề để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ của cán bộ nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế.

Để hình phạt nói chung và HPBS nói riêng có thể đạt hiệu quả cao trong thực tiễn áp dụng, cần nâng cao nhận thức của Thẩm phán về tầm quan trọng, về vai trò, ý nghĩa, mục đích của hình phạt nói chung và HPBS nói riêng trong thực hiện CSHS của Đảng và Nhà nước ta được cụ thể hóa trong Điều 3 BLHS năm 1999.

Cùng với việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức pháp luật của Thẩm phán, cần thiết phải tăng cường đạo đức nghề nghiệp và đề cao tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp của họ. Thẩm phán phải tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, phải "phụng công thủ pháp, chí công vô tư". Vì thế TANDTC cần phải có kế hoạch, chương trình thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, tư tưởng và ý thức chính trị có trình độ cao cho các Thẩm phán. Thẩm phán trong bất kỳ lúc nào cũng sẵn sàng để bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người và lợi ích cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích cộng đồng.

Đồng thời phải đẩy mạnh việc đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho Thẩm phán về chính trị, pháp luật, nghiệp vụ xét xử và các kiến thức bổ trợ khác như kinh tế, xã hội, ngoại ngữ, tin học; đặc biệt chú trọng đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về tư pháp quốc tế để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực [31, tr. 5].

Đối với đội ngũ Hội thẩm nhân dân, các cơ quan đoàn thể, nhất là Tòa án các cấp cần có những biện pháp thiết thực bồi dưỡng nghiệp vụ cho họ để họ tham gia có hiệu quả hơn vào công tác xét xử. Vì vậy, chất lượng Hội thẩm nhân dân cần được quan tâm đúng mức hơn từ khâu giới thiệu người để bầu, đến tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý đội ngũ Hội thẩm nhân dân. Đây là một trong những việc rất quan trọng.

Ngoài việc tăng cường đội ngũ cán bộ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán, đồng thời phải tăng cường các điều kiện, cơ sở vật chất của các cơ quan này, có chế độ chính sách đãi ngộ thích đáng cho đội ngũ Thẩm phán, phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động xét xử của Tòa án.

3.3.4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc áp dụng hình phạt bổ sung

Theo Điều 104 Hiến pháp năm 2013 [23] và được cụ thể hóa tại Điều 27 BLTTHS năm 2015 [23], Tòa án cấp trên giám đốc việc xét xử của Tòa án cấp dưới; TANDTC giám đốc việc xét xử của các Tòa án trong cả nước để đảm bảo việc áp dụng pháp luật trong công tác xét xử được nghiêm chỉnh và thống nhất.

Giám đốc xét xử thực chất là việc kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới, thông qua đó mà uốn nắn, sửa chữa những sai sót, lệch lạc của Tòa án cấp dưới. Công tác giám đốc của Tòa án cấp trên thường được thực hiện thông qua các hoạt động xem xét lại bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới theo các thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Đồng thời việc kiểm tra, tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn các Tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật và đường lối xét xử cũng là những biện pháp thực hiện việc giám đốc xét xử của Tòa án cấp trên đối với Tòa án cấp dưới.

Nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng HPBS một phần là do công tác giám đốc, kiểm tra, thanh tra hoạt động xét xử của TANDTC cũng như các Tòa án cấp trên làm chưa tốt.

Trong phạm vi thực hiện chức năng giám đốc xét xử, TANDTC cần thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra công tác xét xử của các Tòa án địa phương; các Tòa án cấp tỉnh cần duy trì chế độ kiểm tra định kỳ và đột xuất các bản án đã có hiệu lực pháp luật của các Tòa án cấp huyện. Trong kiểm tra, các Tòa án cấp trên cần chú ý, quan tâm đến việc áp dụng HPBS của các Tòa án các cấp để kịp thời phát hiện và chấn chỉnh rút kinh nghiệm. Mặt khác, cần tăng cường công tác quản lý cán bộ, quản lý nghiệp vụ, giáo dục, nâng cao ý thức chính trị và trách nhiệm công vụ trong

các Tòa án các cấp; thường xuyên, kịp thời kiểm tra, uốn nắn những sai phạm trong nghiệp vụ hoặc những biểu hiện không khách quan, vô tư trong công tác của Thẩm phán và cán bộ Tòa án; xử lý nghiêm minh và kịp thời các sai sót, tiêu cực của các cá nhân cán bộ, công chức của Tòa án trong hoạt động xét xử để từng bước xây dựng nền tư pháp nước ta trong sạch và vững mạnh, đáp ứng được yêu cầu của Chiến lược cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 06 năm 2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [9, tr. 69]

Mặt khác, cũng cần có sự kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát, việc giám sát của các cơ quan, tổ chức khác của Nhà nước trong hệ thống chính trị như Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp cũng như cần có sự giám sát của nhân dân, của phương tiện truyền thông … để cho việc áp dụng HPBS nói riêng và việc quyết định hình phạt nói chung của Tòa án ngày càng đạt hiệu quả trong hoạt động tố tụng và áp dụng thống nhất căn cứ pháp luật, tránh oan sai, bỏ lọt tội phạm nhằm phòng ngừa và chống tội phạm có hiệu quả, xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp.

Kết luận chương 3

Trong công tác xét xử các vụ án hình sự, áp dụng hình phạt, trong đó có HPBS được các Tòa án áp dụng đối với người phạm tội đã thể hiện được CSHS của Nhà nước ta, đáp ứng được được yêu cầu của dư luận xã hội và yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Về cơ bản đã có sự phù hợp giữa lý luận và thực tiễn pháp luật cũng như thực tiễn áp dụng các HPBS. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng HPBS cũng còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định. Thực trạng đó là do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân từ sự chưa hoàn thiện của các quy định về HPBS trong luật thực định; nguyên nhân của thực trạng trên không chỉ xuất phát từ phía luật thực định mà còn từ các nguyên nhân khác, trong đó có nguyên nhân từ việc giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa đầy đủ; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức pháp luật và trách nhiệm nghề nghiệp của một bộ phận những người làm công tác xét xử còn non kém, v.v...Vì vậy, hoàn thiện và

nâng cao hiệu quả của các quy định về HPBS chính là việc giải quyết những tồn tại, hạn chế, bất cập trong lĩnh vực nêu trên.

KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu đề tài luận văn thạc sĩ: *" Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An"* cho phép đưa ra một số kết luận chung dưới đây:

1. Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước, được luật quy định, do Tòa án nhân danh nhà nước áp dụng đối với người phạm tội và được thể hiện ở việc tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của họ nhằm giáo dục, cải tạo họ và phòng ngừa tội phạm, đảm bảo cho luật hình sự thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Hình phạt dù dưới dạng HPC hay HPBS cũng phải có chung những đặc điểm cơ bản như: là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc của Nhà nước, có sự thống nhất giữa trừng trị và cải tạo, giáo dục; gắn liền với tội phạm; được luật quy định; do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội theo trình tự tố tụng hình sự chặt chẽ. Hình phạt có mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm.

Hình phạt bổ sung không tước quyền tự do của người bị kết án, phản ánh nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam, thể hiện chính sách của Nhà nước ta đối với người phạm tội và hành vi do họ thực hiện, đồng thời nhằm động viên, khuyến khích người phạm tội lập công chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo nhanh chóng, hòa nhập với cộng đồng và trở thành người có ích cho xã hội khi có những điều kiện nhất định. Việc quy định trong Bộ luật hình sự về hình phạt bổ sung thể hiện phương châm đúng đắn của đường lối xử lý về hình sự, đó là bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp cưỡng chế hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước với các biện pháp tác động xã hội khác, với các hình phạt không tước tự do để cải tạo, giáo dục người phạm tội, bằng cách đó hạn chế áp dụng các biện pháp mang tính trấn áp (trừng trị) về mặt hình sự.

Hình phạt bổ sung thể hiện tính nhân đạo và rất có ý nghĩa nhân văn vì nếu áp dụng, nó không để lại cho người bị kết án hậu quả pháp lý là việc mang án tích và cũng không tước tự do. Do đó, sẽ là không công bằng và không ý nghĩa nếu áp dụng không đúng và không chính xác. Việc giải quyết tốt vấn đề trách nhiệm hình

sự và hình phạt, cũng như áp dụng đúng đắn hình phạt bổ sung sẽ tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho các cơ quan áp dụng pháp luật đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ có hiệu quả các lợi ích của Nhà nước, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân.

2. Mặc dù hình phạt bổ sung đã được quy định một cách chính thức và cụ thể trong Bộ luật hình sự nhưng trong thực tiễn áp dụng còn nhiều vấn đề chưa rõ ràng và chưa thống nhất. Vì thế, trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, các cơ quan tư pháp hình sự có thẩm quyền áp dụng rất hạn chế HPBS, hoặc trong trường hợp có áp dụng thì nhiều khi còn áp dụng chưa đúng với quy định của điều luật; cho nên, trong thực tiễn xét xử cho thấy bên cạnh những quyết định áp dụng hình phạt bổ sung có căn cứ và đúng pháp luật thì vẫn còn có một số trường hợp áp dụng hình phạt này chưa phù hợp, hoặc là áp dụng nhầm lẫn với một số chế định khác... qua đó có thể bỏ lọt tội phạm và gây ảnh hưởng lớn đến công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm.

3. Trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay để thực hiện chính sách hình sự nói chung và luật hình sự nước ta nói riêng, cũng như để phù hợp với thực tiễn xét xử, dưới góc độ nhận thức - khoa học, nhà làm luật nước ta cần bổ sung quy định thêm về hình phạt bổ sung để việc áp dụng hình phạt đạt được hiệu quả cao. Điều này đã được BLHS năm 2015 khắc phục, tuy nhiên do BLHS năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên vẫn phải xem xét, nghiên cứu thêm.

4. Ở một chừng mực nhất định, luận văn đã phần nào giải quyết được một số vấn đề lý luận và thực tiễn xung quanh hình phạt bổ sung, góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm. Tuy nhiên, việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn về mặt lý luận của hình phạt này dưới góc độ khoa học không những là hướng nghiên cứu quan trọng, mà còn là việc làm cần thiết của khoa học luật hình sự nước ta hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Lai Bằng (1997), *Hình phạt tiền trong luật hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, tr. 1.

2. Bộ chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014*, Hà Nội, tr. 3.

3. Lê Cảm (2000), *Hình phạt và biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Dân chủ và pháp luật, (số 8), tr. 11-12.

4. Lê Cảm (2001), *Một số vấn đề cơ bản về hình phạt trong pháp luật hình sự một số nước trên thế giới*, Dân chủ và pháp luật, (số 9), tr. 49.

5. Lê Cảm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 687.

6. Chính Phủ (2001), *Nghị định số 53/2001/NĐ-CP, Hướng dẫn thi hành hình phạt cấm cư trú và quản chế của BLHS năm 1999*, Hà Nội, tr. 2-3.

7. Chính phủ (2001), *Nghị định 54/2001/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất*, Hà Nội, tr. 11-2.

8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Ban Chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội.

9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

11. Lê Văn Đệ (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

12. Trần Văn Độ (1990), *Một số ý kiến về quyết định hình phạt bổ sung*, Tòa án Nhân dân.

13. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Luật hình sự Việt Nam - Sự phát triển trong hai mươi năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Luật học (số 1).

14. Phạm Văn Lợi (Chủ biên) (2007), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

15. Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự năm 1999 (phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

18. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội

19. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội

20. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.

21. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

22. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.

23. Quốc Hội (2015), Bộ l*uật tố tụng hình sự*, Hà Nội

24. Quốc Hội (2004), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

25. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

26. Nguyễn Sơn (2003), *Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.

27. Tạp chí Tòa án (2009), *Một số vấn đề lý luận về hình phạt tiền*,Tạp chí Tòa án, (số 16).

28. Tòa án nhân dân tỉnh Long An (2010-2015), *Các báo cáo tổng kết ngành Tòa án từ năm 2009 đến 2013*.

29. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP, Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999*.

30. Tòa án nhân dân tối cao (2010), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2010*, Hà Nội.

31. Tòa án nhân dân tối cao (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012*, Hà Nội.

32. Trịnh Quốc Toản (2007), *Hình phạt tước một số quyền công dân trong luật hình sự Việt Nam*, Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.

33. Trịnh Quốc Toản (2010), *Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội.

34. Trịnh Quốc Toản (2011), *Hình phạt bổ sung trong luật Hình sự Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

35. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.

36. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý *(1995), Hình phạt trong Luật hình sự Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

37. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.

38. Võ Khánh Vinh (2006), *Giáo trình luật hình sự Việt nam (Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng hình phạt bổng sung.

STT	Năm	Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	Số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm	Số bị cáo bị áp dụng HPBS
1	2010	817	1.322	9
2	2011	1.002	1.307	7
3	2012	1.003	1.594	15
4	2013	1.078	1.491	16
5	2014	942	1.574	10
6	2015	1.026	1.930	24
7	2016	912	1.454	8
Tổng số		**5.868**	**9.221**	**81**

Bảng 2.2: Nhóm các tội được áp dụng hình phạt bổ sung.

STT	Các nhóm tội trong BLHS	Số vụ án đã xét xử	Số bị cáo đã xét xử	Số bị cáo bị áp dụng HPBS
1	Các tội phạm về ma túy (chương XVIII)	457	605	17
2	Các tội xâm phạm an toàn công cộng…(chương XIX)	2.396	3.499	55
4	Các tội xâm phạm sở hữu… (chương XIV)	1.487	2.854	9
Tổng cộng	**03 nhóm tội**	**4.340**	**6.958**	**81**

Bảng 2.3: Loại hình phạt bổ sung được áp dụng.

STT	Loại HPBS	Số bị cáo áp dụng HPBS
1	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	2
2	Cấm cư trú	0
3	Quản chế	2
4	Tước một số quyền công dân	0
5	Tịch thu tài sản	7
6	Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt chính;	70
7	Trục xuất, khi không áp dụng là hình phạt chính	0
Tổng cộng	**07 HPBS**	**81**